

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề: 201

Số báo danh:.....

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/hội thoại sau.

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: Xí_____uān.

- A. z B. g C. t D. h

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn_____.

- A. ǎo B. uǎng C. ěn D. ěng

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.

- A. shèntí B. shěnti C. shēntǐ D. shéntí

Câu 4: 上海是中国最大的_____市?

- A. 成 B. 城 C. 诚 D. 盛

Câu 5: 他们很欢迎我们来参_____晚会。

- A. 开 B. 觉 C. 架 D. 加

Câu 6: 在_____高的地方可以看到美丽的风景。

- A. 哪儿 B. 怎样 C. 这么 D. 别的

Câu 7: 这_____书是王兰送给我的。

- A. 本 B. 张 C. 把 D. 件

Câu 8: 我哥哥买了一_____自行车。

- A. 台 B. 辆 C. 碗 D. 杯

Câu 9: 我回来的时候, 妈妈在忙_____洗衣服。

- A. 过 B. 地 C. 得 D. 着

Câu 10: 昨天我给妈妈写_____一封信。

- A. 了 B. 过 C. 地 D. 吧

Câu 11: 明天早上到公司拿_____资料。

- A. 一点 B. 一下 C. 一会 D. 半天

Câu 12: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊聊天 B. 聊聊天 C. 聊天一聊天 D. 聊聊天天

Câu 13: 我从来没想到, 有一天我_____会在 IBM 公司工作。

- A. 忽然 B. 突然 C. 居然 D. 毕竟

Câu 14: 他昨天说同意了, 今天_____改变了自己的主意。

- A. 又 B. 再 C. 才 D. 刚

Câu 15: 我已经忘记了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。

- A. 和 B. 还 C. 另外 D. 以及

Câu 16: 为了迎接篮球比赛, 留学生_____。

- A. 下午 4 点每天到操场进行训练 B. 到操场下午 4 点进行每天训练

- C. 到操场进行训练下午 4 点每天 D. 每天下午 4 点到操场进行训练

Câu 17: 在热闹的都市生活中, 工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。

- A. 繁忙 B. 频繁 C. 频频 D. 繁琐

Câu 18: 其实, 露水_____从天上降下来的, _____在地面上形成的。

- A. 不是……就是…… B. 不是……而是…… C. 不是……反而…… D. 要么……要么……

- Câu 19: _____人类社会存在，人权问题_____会受到人类的关注。
 A. 只有……才…… B. 即使……也…… C. 如果……就…… D. 只要……就……
- Câu 20: 越得不到的_____就越美，越有吸引力。
 A. 东西 B. 天气 C. 电视 D. 环境
- Câu 21: 他的数学成绩_____得很快。
 A. 提高 B. 帮助 C. 觉得 D. 参加
- Câu 22: 听说你有喜事，快说出来，让我们也_____。
 A. 生气 B. 高兴 C. 丰富 D. 漂亮
- Câu 23: 在你需要帮助的时候，_____为你做事的人，才是真正的朋友。
 A. 偷偷 B. 暗暗 C. 悄悄 D. 默默
- Câu 24: 小阮：你家的电话号码是_____？
 小刘：我家的电话号码是：02033886886。
 A. 几 B. 什么 C. 哪 D. 多少
- Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc.*
- Câu 25: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。
 (多)
- Câu 26: 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。
 (对我们)
- Câu 27: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。
 (美好的)
- Câu 28: 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。
 (汉语)
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.*
- Câu 29: 那虽然是往事，但我还要提到。
 A. 来往的事 B. 常发生的事 C. 过去的事 D. 将来的事
- Câu 30: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。
 A. 足够 B. 非常 C. 正在 D. 已经
- Câu 31: 学习外语时要多说，说错了也没关系。
 A. 影响 B. 作用 C. 关联 D. 原因
- Câu 32: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。
 A. 一定 B. 全部 C. 一般 D. 应该
- Câu 33: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出你。
 A. 有风度 B. 有美感 C. 有金钱 D. 有积极态度
- Câu 34: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。
 A. 尤其 B. 格外 C. 专门 D. 照顾
- Câu 35: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。
 A. 好像 B. 明白 C. 清楚 D. 模糊
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 36 đến câu 45.*
- 曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么

回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- | | | | |
|--------------|-------|-------|-------|
| Câu 36:A. 慢慢 | B. 纷纷 | C. 逐步 | D. 立刻 |
| Câu 37:A. 也 | B. 跟 | C. 还 | D. 比 |
| Câu 38:A. 意义 | B. 兴趣 | C. 丰富 | D. 生活 |
| Câu 39:A. 整理 | B. 以为 | C. 安排 | D. 完成 |
| Câu 40:A. 出来 | B. 上来 | C. 进来 | D. 起来 |
| Câu 41:A. 飘 | B. 沉 | C. 压 | D. 浮 |
| Câu 42:A. 终于 | B. 毕竟 | C. 究竟 | D. 最后 |
| Câu 43:A. 连续 | B. 连绵 | C. 一连 | D. 连声 |
| Câu 44:A. 难过 | B. 失望 | C. 得意 | D. 着急 |
| Câu 45:A. 呢 | B. 了 | C. 嘛 | D. 吧 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份40多版的日报，看5—10个精彩的广告短片，跑400多米，做20多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了目前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再又从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 46: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 阅读文章 B. 给朋友打电话 C. 看精彩的广告 D. 跑400多米

Câu 47: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 变成一只蚂蚁 C. 从容地做事情 D. 加重了急促感

Câu 48: 作者认为生活的意义在于：

- A. 生命的内涵有多丰富 B. 一生做了多少事情
C. 追求每一分钟的充实 D. 生活争得每一分钟

Câu 49: 男的捡到什么？

- A. 捡到了金币 B. 捡到了词典 C. 捡到了蚂蚁 D. 捡到了报纸

Câu 50: 这篇文章的观点是？

- A. 我们要抓紧时间提高效率 B. 让每一分钟过得充实、有意义
C. 不要忙碌而错过了一生的风景 D. 要争取时间捡金币、纽扣

---Hết---

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 202

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil _____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn _____

- A. b B. p C. f D. m

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____

- A. sīdē B. side C. shīdè D. shìde

Câu 4: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 瞳

Câu 5: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

Câu 6: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样

Câu 7: 据统计, 我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 8: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下, 不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 9: 天气预报也一定准, 咱把雨伞带_____, 省得挨淋。

- A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧

Câu 10: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节, 怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬, 减少感冒的发生_____?

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗

Câu 11: 晚上你要是实在睡不着, 就找个朋友_____。

- A. 聊聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天

Câu 12: 女人们说, 如果一个男人有钱了, 那么他的_____也就大了。

- A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性

Câu 13: 听见喊他的名字, 他_____紧张起来, 头上都冒汗了。

- A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时

Câu 14: 面对无情的干旱, 有的农民修庙求雨, 而多数农民_____打井抗旱。

- A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒

Câu 15: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

Câu 16: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Câu 17: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量, 他投资一个 1000 万元的房地产项目, 一举获得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 18: 孩子太小_____需要照顾, 可老人_____不能不管啊!

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 19: 采用液化石油气做汽车燃料，_____环境效益明显，_____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 20: 圣诞节的时候，玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 21: 我爸爸是_____地质的，经常出差，而且一走就是三四个月。

- A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做

Câu 22: 经过一年的_____训练，服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严

Câu 23: 在会上，学生们给老师们提了很多_____的建议。

- A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重

Câu 24: 小阮：谢谢你！

小陈：_____！

- A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 25: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)

Câu 26: 他的 A 功课 B 太紧，只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 27: 表姐的生日快到了，我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。 (刚买的)

Câu 28: 逢年过节，全家人聚到一起 A，十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 29: 他是个英俊的少年，绰号叫“外国人”，高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

Câu 30: 这时非常时期，实在没办法，您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 31: 元宵节前后，大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 捆 D. 摆

Câu 32: 报社指出，对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 33: 由于他在数学上很有天分，一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

Câu 34: 这家伙真不含糊，一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 35: 我的孩子虽然才三岁，却对听车站名很感兴趣，我一路给他念着车名，他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有兴趣

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次，老师出了道数学难题，叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤，而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智，我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”，三下五除二就做好了。这时，那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪，将粉笔一扔，大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了，但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说：“看看，急急忙忙，马马虎虎，这是做学问的严谨态度吗？在能力相当的情况下，做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话，我心中并不以为然，我看重的是结果，而老师要的似乎还有过程。

多年后，我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称，我的对手们纷纷落马，剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们，他拿出一堆账本，要

我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”，但我不敢小视，每个数字都牢牢把握，认真在盘算上加加减减。约一个小时左右，我完成任务了。10分钟，竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了！为什么？会计主管回答：“你没有作月末统计，而他不但作了，还作了季度统计。”我问：“不是要年度统计吗？”主管笑道：“是啊，但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问，但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当，所以，我们最后要看的就是个人的态度了。”

(李禄兴，《HSK应试速练》，北京语言大学出版社，2007年)

Câu 36: 作者在解答老师出的数学题时：

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 37: 老师对作者的那番评价使他感到：

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 38: “落马”的意思是：

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 39: 作者认为应聘单位的面试题怎么样？

- A. 难度大 B. 很容易 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 40: 作者写这两件事是为了说明：

- A. 态度与结果同样重要
C. 做事情结果正确就行
B. 自己很聪明但运气差
D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(41)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(42)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(43)_____尊重，不许骂人、打人；六、……

这是一个14岁的男孩交给自己的父母的一个“平等(44)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(45)_____！然而，许多成年人却很容易(46)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(47)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(48)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(49)_____, 当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(50)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007年，有删改)

Câu 41: A. 进出 B. 进来 C. 进去 D. 进入

Câu 42: A. 随手 B. 随时 C. 随便 D. 顺便

Câu 43: A. 相对 B. 相同 C. 互相 D. 双方

Câu 44: A. 宣言 B. 宣告 C. 宣传 D. 宣布

Câu 45: A. 激烈 B. 强烈 C. 强大 D. 强调

Câu 46: A. 无所谓 B. 不注意 C. 轻视 D. 忽视

Câu 47: A. 全部 B. 一切 C. 所有 D. 整个

Câu 48: A. 优良 B. 优越 C. 优胜 D. 优秀

Câu 49: A. 相反 B. 相对 C. 反而 D. 反正

Câu 50: A. 对立 B. 对话 C. 对待 D. 待遇

-----HẾT-----

Chữ kí của giám thị số 1:..... Chữ kí của giám thị số 2:.....

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề: 203

Số báo danh:.....

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 1: 学习外语时要多说，说错了也没关系。

- A.影响 B.作用 C.关联 D.原因

Câu 2: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。

- A.一定 B.一般 C.应该 D.全部

Câu 3: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。

- A.好像 B.模糊 C.明白 D.清楚

Câu 4: 那虽然是往事，但我还要提到。

- A.过去的事 B.将来的事 C.常发生的事 D.来往的事

Câu 5: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。

- A.有美感 B.有风度 C.有金钱 D.有积极态度

Câu 6: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。

- A.尤其 B.照顾 C.格外 D.专门

Câu 7: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。

- A.足够 B.非常 C.已经 D.正在

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 8: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)

Câu 9: 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。 (汉语)

Câu 10: 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)

Câu 11: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 12: 越得不到的_____就越美，越有吸引力。

- A.东西 B.天气 C.电视 D.环境

Câu 13: 他的数学成绩_____得很快。

- A.觉得 B.提高 C.帮助 D.参加

Câu 14: 听说你有喜事，快说出来，让我们也_____。

- A.生气 B.高兴 C.漂亮 D.丰富

Câu 15: 在你需要帮助的时候，_____为你做事的人，才是真正的朋友。

- A.暗暗 B.悄悄 C.偷偷 D.默默

Câu 16: 小阮：你家的电话号码是_____？

小刘：我家的电话号码是：02033886886。

- A.几 B.哪 C.多少 D.什么

Câu 17: 上海是中国最大的_____市？

- A.诚 B.盛 C.成 D.城

Câu 18: 他们很欢迎我们来参_____晚会。

- A.开 B.加 C.觉 D.架

Câu 19: 在_____高的地方可以看到美丽的风景。

- A.这么 B.别的 C.哪儿 D.怎样

- Câu 20: 这_____书是王兰送给我的。
 A. 本 B. 件 C. 张 D. 把
- Câu 21: 我哥哥买了一_____自行车。
 A. 辆 B. 碗 C. 台 D. 杯
- Câu 22: 我回来的时候，妈妈在忙_____洗衣服。
 A. 过 B. 着 C. 地 D. 得
- Câu 23: 昨天我给妈妈写_____一封信。
 A. 吧 B. 了 C. 过 D. 地
- Câu 24: 明天早上到公司拿_____资料。
 A. 一点 B. 半天 C. 一下 D. 一会儿
- Câu 25: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。
 A. 聊聊天 B. 聊天聊天 C. 聊天一聊天 D. 聊聊天天
- Câu 26: 我从来没想到，有一天我_____会在 IBM 公司工作。
 A. 居然 B. 忽然 C. 突然 D. 毕竟
- Câu 27: 他昨天说同意了，今天_____改变了自己的主意。
 A. 刚 B. 又 C. 再 D. 才
- Câu 28: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí _____.
 A. z B. h C. g D. t
- Câu 29: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn _____.
 A. uāng B. ēn C. ěng D. ǎo
- Câu 30: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.
 A. shèntí B. shēntǐ C. shéntí D. shěnti
- Câu 31: 我已经忘了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。
 A. 还 B. 和 C. 另外 D. 以及
- Câu 32: 为了迎接篮球比赛，留学生_____。
 A. 下午 4 点每天到操场进行训练 B. 每天下午 4 点到操场进行训练
 C. 到操场进行训练下午 4 点每天 D. 到操场下午 4 点进行每天训练
- Câu 33: 在热闹的都市生活中，工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。
 A. 繁忙 B. 繁琐 C. 频繁 D. 频频
- Câu 34: 其实，露水_____从天上降下来的，_____在地面上形成的。
 A. 不是……就是…… B. 不是……反而…… C. 要么……要么…… D. 不是……而是……
- Câu 35: _____人类社会存在，人权问题_____会受到人类的关注。
 A. 只要……就…… B. 只有……才…… C. 即使……也…… D. 如果……就……
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.*

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事情，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份 40 多版的日报，看 5—10 个精彩的广告短片，跑 400 多米，做 20 多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了目前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再又从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、

几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 36: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 给朋友打电话 B. 看精彩的广告 C. 阅读文章 D. 跑 400 多米

Câu 37: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 加重了急促感 C. 变成一只蚂蚁 D. 从容地做事情

Câu 38: 作者认为生活的意义在于：

- A. 追求每一分钟的充实 B. 生活争得每一分钟
C. 生命的内涵有多丰富 D. 一生做了多少事情

Câu 39: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了报纸 D. 捡到了金币

Câu 40: 这篇文章的观点是？

- A. 我们要抓紧时间提高效率 B. 要争取时间捡金币、纽扣
C. 不要忙碌而错过了一生的风景 D. 让每一分钟过得充实、有意义

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 41 đến câu 50.

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么回事。他们连声称贊：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

Câu 41: A. 逐步 B. 立刻 C. 慢慢 D. 纷纷

Câu 42: A. 跟 B. 还 C. 也 D. 比

Câu 43: A. 兴趣 B. 丰富 C. 意义 D. 生活

Câu 44: A. 安排 B. 完成 C. 整理 D. 以为

Câu 45: A. 出来 B. 进来 C. 上来 D. 起来

Câu 46: A. 飘 B. 沉 C. 浮 D. 压

Câu 47: A. 毕竟 B. 究竟 C. 终于 D. 最后

Câu 48: A. 连续 B. 连声 C. 连绵 D. 一连

Câu 49: A. 得意 B. 着急 C. 难过 D. 失望

Câu 50: A. 嘛 B. 呢 C. 了 D. 吧

--Hết--

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 204

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 1: 报社指出, 对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 2: 由于他在数学上很有天分, 一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

Câu 3: 这家伙真不含糊, 一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 4: 他是个英俊的少年, 绰号叫“外国人”, 高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

Câu 5: 这时非常时期, 实在没办法, 您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 平常 C. 异常 D. 特殊

Câu 6: 元宵节前后, 大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 插 D. 摆

Câu 7: 我的孩子虽然才三岁, 却对听车站名很感兴趣, 我一路给他念着车名, 他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 很有兴趣 D. 十分欣赏

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次, 老师出了道数学难题, 叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤, 而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智, 我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”, 三下五除二就做好了。这时, 那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪, 将粉笔一扔, 大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了, 但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说: “看看; 急急忙忙, 马马虎虎, 这是做学问的严谨态度吗? 在能力相当的情况下, 做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话, 我心中并不以为然, 我看重的是结果, 而老师要的似乎还有过程。

多年后, 我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称, 我的对手们纷纷落马, 剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们, 他拿出一堆账本, 要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”, 但我不敢小视, 每个数字都牢牢把握, 认真在盘算上加加减减。约一个小时左右, 我完成任务了。10分钟后的竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了! 为什么? 会计主管回答: “你没有作月末统计, 而他不但作了, 还作了季度统计。”我问: “不是要年度统计吗?”主管笑道: “是啊, 但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问, 但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当, 所以, 我们最后要看的就是个人的态度了。”

(李禄兴, 《HSK 应试速练》, 北京语言大学出版社, 2007 年)

Câu 8: 作者在解答老师出的数学题时:

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 9: 老师对作者的那番评价使他感到:

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 10: “落马”的意思是:

- A. 从马上掉下来 B. 考试出现失误 C. 在竞争中失败 D. 工作中被免职

Câu 11: 作者认为应聘单位的面试题怎么样?

- A. 难度大 B. 很容易 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 12: 作者写这两件事是为了说明:

- A. 态度与结果同样重要
B. 自己很聪明但运气差
C. 做事情结果正确就行
D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 13: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil _____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 14: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn _____.

- A. b B. p C. f D. m

Câu 15: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____.

- A. sīdē B. side C. shīdè D. shide

Câu 16: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 章

Câu 17: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

Câu 18: 采用液化石油气做汽车燃料, _____环境效益明显, _____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也……
B. 既然……就……
C. 不仅……而且……
D. 假如……就……

Câu 19: 圣诞节的时候, 玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 20: 我爸爸是_____地质的, 经常出差, 而且一走就是三四个月。

- A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做

Câu 21: 经过一年的_____训练, 服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严

Câu 22: 在会上, 学生们给老师们提了很多_____的建议。

- A. 珍贵 B. 贵重 C. 可贵 D. 宝贵

Câu 23: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样

Câu 24: 据统计, 我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 25: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下, 不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 26: 天气预报也一定准, 咱把雨伞带_____, 省得挨淋。

- A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧

Câu 27: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节, 怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬, 减少感冒的发生_____?

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗

Câu 28: 晚上你要是实在睡不着, 就找个朋友_____。

- A. 聊聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天

Câu 29: 女人们说, 如果一个男人有钱了, 那么他的_____也就大了。

- A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性

Câu 30: 听见喊他的名字, 他_____紧张起来, 头上都冒汗了。

- A. 随时 B. 一时 C. 暂时 D. 顿时

Câu 31: 面对无情的干旱, 有的农民修庙求雨, 而多数农民_____打井抗旱。

- A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒

Câu 32: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

Câu 33: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Câu 34: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量，他投资一个1000万元的房地产项目，一举获得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 35: 孩子太小_____需要照顾，可老人_____不能不管啊！

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 36: 小阮：谢谢你！

小陈：_____！

- A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 37: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)

Câu 38: 他的 A 功课 B 太紧，只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 39: 逢年过节，全家人聚到一起 A，十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Câu 40: 表姐的生日快到了，我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。 (刚买的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(41)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(42)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(43)_____尊重，不许骂人、打人；六、……

这是一个14岁的男孩交给自己父母的一个“平等(44)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(45)_____！然而，许多成年人却很容易(46)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(47)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(48)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(49)_____, 当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(50)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007年，有删改)

Câu 41: A. 进出 B. 进来 C. 进去 D. 进入

Câu 42: A. 随手 B. 随时 C. 随便 D. 顺便

Câu 43: A. 相对 B. 相同 C. 互相 D. 双方

Câu 44: A. 宣言 B. 宣告 C. 宣传 D. 宣布

Câu 45: A. 激烈 B. 强烈 C. 强大 D. 强调

Câu 46: A. 无所谓 B. 不注意 C. 轻视 D. 忽视

Câu 47: A. 全部 B. 所有 C. 一切 D. 整个

Câu 48: A. 优良 B. 优越 C. 优胜 D. 优秀

Câu 49: A. 相反 B. 相对 C. 反而 D. 反正

Câu 50: A. 对立 B. 对话 C. 待遇 D. 对待

HẾT

Chữ ký của giám thị số 1: Chữ ký của giám thị số 2:

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 205

Số báo danh:

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 1: 老师 A 要求非常 B 严格, 所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)

Câu 2: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)

Câu 3: 为了 A 更好地了解 B 中国文化, 他 C 开始学习 D. (汉语)

Câu 4: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 5: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊天聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天一聊天

Câu 6: 上海是中国最大的____市?

- A. 诚 B. 成 C. 城 D. 盛

Câu 7: 他们很欢迎我们来参____晚会。

- A. 开 B. 架 C. 加 D. 觉

Câu 8: 其实, 露水____从天上降下来的, ____在地面上形成的。

- A. 不是……而是…… B. 不是……反而…… C. 不是……就是…… D. 要么……要么……

Câu 9: ____人类社会存在, 人权问题____会受到人类的关注。

- A. 只有……才…… B. 如果……就…… C. 只要……就…… D. 即使……也……

Câu 10: 在____高的地方可以看到美丽的风景。

- A. 怎样 B. 这么 C. 哪儿 D. 别的

Câu 11: 这____书是王兰送给我的。

- A. 本 B. 件 C. 张 D. 把

Câu 12: 我哥哥买了一____自行车。

- A. 台 B. 碗 C. 杯 D. 辆

Câu 13: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí____ uān.

- A. z B. h C. g D. t

Câu 14: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn____.

- A. ěn B. ǎo C. uǎng D. ěng

Câu 15: Phiên âm đúng của từ 身体 là: ____.

- A. shèntí B. shēntǐ C. shéntí D. shěnti

Câu 16: 小阮: 你家的电话号码是____?

小刘: 我家的电话号码是: 02033886886.

- A. 几 B. 多少 C. 什么 D. 哪

Câu 17: 我回来的时候, 妈妈在忙____洗衣服。

- A. 着 B. 过 C. 地 D. 得

Câu 18: 明天早上到公司拿____资料。

- A. 一点 B. 一下 C. 半天 D. 一会

Câu 19: 我从来没想到, 有一天我____会在 IBM 公司工作。

- A. 忽然 B. 居然 C. 毕竟 D. 突然

Câu 20: 昨天我给妈妈写____一封信。

- A. 了 B. 地 C. 吧 D. 过

Câu 21: 他昨天说同意了，今天_____改变了自己的主意。

- A. 又 B. 才 C. 再 D. 刚

Câu 22: 越得不到的_____就越美，越有吸引力。

- A. 天气 B. 东西 C. 电视 D. 环境

Câu 23: 他的数学成绩_____得很快。

- A. 帮助 B. 提高 C. 参加 D. 觉得

Câu 24: 我已经忘了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。

- A. 和 B. 以及 C. 还 D. 另外

Câu 25: 在你需要帮助的时候，_____为你做事的人，才是真正的朋友。

- A. 默默 B. 偷偷 C. 暗暗 D. 悄悄

Câu 26: 为了迎接篮球比赛，留学生_____。

- A. 到操场下午4点进行每天训练 B. 下午4点每天到操场进行训练
C. 到操场进行训练下午4点每天 D. 每天下午4点到操场进行训练

Câu 27: 在热闹的都市生活中，工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。

- A. 繁忙 B. 频频 C. 频繁 D. 繁琐

Câu 28: 听说你有喜事，快说出来，让我们也_____。

- A. 高兴 B. 丰富 C. 漂亮 D. 生气

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 29: 学习外语时要多说，说错了也没关系。

- A. 关联 B. 原因 C. 影响 D. 作用

Câu 30: 那虽然是往事，但我还要提到。

- A. 常发生的事 B. 过去的事 C. 将来的事 D. 来往的事

Câu 31: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。

- A. 一定 B. 应该 C. 全部 D. 一般

Câu 32: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。

- A. 有美感 B. 有风度 C. 有金钱 D. 有积极态度

Câu 33: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。

- A. 非常 B. 足够 C. 正在 D. 已经

Câu 34: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。

- A. 好像 B. 清楚 C. 明白 D. 模糊

Câu 35: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。

- A. 尤其 B. 照顾 C. 格外 D. 专门

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 36 đến câu 45.

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么

回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- | | | | |
|---------------|-------|-------|-------|
| Câu 36: A. 慢慢 | B. 立刻 | C. 纷纷 | D. 逐步 |
| Câu 37: A. 也 | B. 还 | C. 比 | D. 跟 |
| Câu 38: A. 兴趣 | B. 意义 | C. 丰富 | D. 生活 |
| Câu 39: A. 整理 | B. 安排 | C. 完成 | D. 以为 |
| Câu 40: A. 上来 | B. 进来 | C. 起来 | D. 出来 |
| Câu 41: A. 飘 | B. 压 | C. 沉 | D. 浮 |
| Câu 42: A. 终于 | B. 最后 | C. 毕竟 | D. 究竟 |
| Câu 43: A. 连续 | B. 连绵 | C. 连声 | D. 一连 |
| Câu 44: A. 难过 | B. 失望 | C. 着急 | D. 得意 |
| Câu 45: A. 了 | B. 嘛 | C. 吧 | D. 呢 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份40多版的日报，看5—10个精彩的广告短片，跑400多米，做20多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了目前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再又从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 46: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 阅读文章 B. 跑400多米 C. 给朋友打电话 D. 看精彩的广告

Câu 47: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 加重了急促感 B. 提高工作效率 C. 变成一只蚂蚁 D. 从容地做事情

Câu 48: 作者认为生活的意义在于：

- | | |
|--------------|--------------|
| A. 生命的内涵有多丰富 | B. 一生做了多少事情 |
| C. 生活争得每一分钟 | D. 追求每一分钟的充实 |

Câu 49: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了报纸 D. 捡到了金币

Câu 50: 这篇文章的观点是？

- | | |
|------------------|----------------|
| A. 让每一分钟过得充实、有意义 | B. 我们要抓紧时间提高效率 |
| C. 不要忙碌而错过了一生的风景 | D. 要争取时间捡金币、纽扣 |

---Hết---

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 206

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(1)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(2)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(3)_____尊重，不许骂人、打人；六、.....

这是一个 14 岁的男孩交给自己父母的一个“平等(4)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(5)_____！然而，许多成年人却很容易(6)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(7)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(8)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(9)_____，当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(10)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007 年，有删改)

- | | | | | |
|---------|--------|--------|-------|-------|
| Câu 1: | A. 进出 | B. 进来 | C. 进去 | D. 进入 |
| Câu 2: | A. 随便 | B. 随时 | C. 随手 | D. 顺便 |
| Câu 3: | A. 相对 | B. 相同 | C. 互相 | D. 双方 |
| Câu 4: | A. 宣言 | B. 宣告 | C. 宣传 | D. 宣布 |
| Câu 5: | A. 激烈 | B. 强调 | C. 强大 | D. 强烈 |
| Câu 6: | A. 无所谓 | B. 不注意 | C. 轻视 | D. 忽视 |
| Câu 7: | A. 全部 | B. 一切 | C. 所有 | D. 整个 |
| Câu 8: | A. 优良 | B. 优越 | C. 优胜 | D. 优秀 |
| Câu 9: | A. 相反 | B. 相对 | C. 反而 | D. 反正 |
| Câu 10: | A. 对立 | B. 对话 | C. 对待 | D. 待遇 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 11: 据统计，我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 12: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下，不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 13: 天气预报也一定准，咱把雨伞带_____，省得挨淋。

- A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧

Câu 14: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节，怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬，减少感冒的发生_____？

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗

Câu 15: 晚上你要是实在睡不着，就找个朋友_____。

- A. 聊天聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天

Câu 16: 女人们说，如果一个男人有钱了，那么他的_____也就大了。

- A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性

Câu 17: 听见喊他的名字，他_____紧张起来，头上都冒汗了。

- A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时

Câu 18: 面对无情的干旱，有的农民修庙求雨，而多数农民_____打井抗旱。

- A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒

Câu 19: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

Câu 20: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Câu 21: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil_____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 22: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn_____o.

- A. b B. p C. f D. m

Câu 23: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____.

- A. sìde B. side C. shídè D. shide

Câu 24: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 瞳

Câu 25: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

Câu 26: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样

Câu 27: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量，他投资一个1000万元的房地产项目，一举获得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 28: 孩子太小_____需要照顾，可老人_____不能不管啊!

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 29: 采用液化石油气做汽车燃料，_____环境效益明显，_____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 30: 圣诞节的时候，玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 31: 我爸爸是_____地质的，经常出差，而且一走就是三四个月。

- A. 做 B. 工作 C. 弄 D. 搞

Câu 32: 经过一年的_____训练，服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严

Câu 33: 在会上，学生们给老师们提了很多_____的建议。

- A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重

Câu 34: 小阮：谢谢你！

小陈：_____！

- A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次，老师出了道数学难题，叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤，而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智，我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”，三下五除二就做好了。这时，那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪，将粉笔一扔，大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了，但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我

写的字说：“看看，急急忙忙，马马虎虎，这是做学问的严谨态度吗？在能力相当的情况下，做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话，我心中并不以为然，我看重的是结果，而老师要的似乎还有过程。

多年后，我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称，我的对手们纷纷落马，剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们，他拿出一堆账本，要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”，但我不敢小视，每个数字都牢牢把握，认真在盘算上加加减减。约一个小时左右，我完成任务了。10分钟后，竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了！为什么？会计主管回答：“你没有作月末统计，而他不但作了，还作了季度统计。”我问：“不是要年度统计吗？”主管笑道：“是啊，但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问，但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当，所以，我们最后要看的就是个人的态度了。”

（李禄兴，《HSK应试速练》，北京语言大学出版社，2007年）

Câu 35: 作者在解答老师出的数学题时：

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 36: 老师对作者的那番评价使他感到：

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 37: “落马”的意思是：

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 38: 作者认为应聘单位的面试题怎么样？

- A. 难度大 B. 很奇怪 C. 很容易 D. 数量多

Câu 39: 作者写这两件事是为了说明：

- A. 态度与结果同样重要 B. 自己很聪明但运气差
C. 做事情结果正确就行 D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 40: 他是个英俊的少年，绰号叫“外国人”，高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

Câu 41: 这时非常时期，实在没办法，您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 42: 这家伙真不含糊，一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 43: 我的孩子虽然才三岁，却对听车站名很感兴趣，我一路给他念着车名，他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有兴趣

Câu 44: 元宵节前后，大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 插 D. 摆

Câu 45: 报社指出，对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 46: 由于他在数学上很有天分，一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 47: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)

Câu 48: 他的 A 功课 B 太紧，只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 49: 表姐的生日快到了，我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。(刚买的)

Câu 50: 逢年过节，全家人聚到一起 A，十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

-----HẾT-----

Chữ kí của giám thị số 1: Chữ kí của giám thị số 2:

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 207

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ in đậm trong các câu sau.

Câu 1: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。

- A.一般 B.应该 C.一定 D.全部

Câu 2: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。

- A.尤其 B.专门 C.照顾 D.格外

Câu 3: 那虽然是往事，但我还要提到。

- A.过去的事 B.来往的事 C.将来的事 D.常发生的事

Câu 4: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。

- A.非常 B.正在 C.足够 D.已经

Câu 5: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。

- A.有金钱 B.有风度 C.有积极态度 D.有美感

Câu 6: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。

- A.清楚 B.好像 C.明白 D.模糊

Câu 7: 学习外语时要多说，说错了也没关系。

- A.关联 B.影响 C.作用 D.原因

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 8: 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。 (汉语)

Câu 9: 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)

Câu 10: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)

Câu 11: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 12: 昨天我给妈妈写 _____ 一封信。

- A.了 B.吧 C.过 D.地

Câu 13: 上海是中国最大的 _____ 市?

- A.成 B.诚 C.城 D.盛

Câu 14: 他的数学成绩 _____ 得很快。

- A.帮助 B.觉得 C.提高 D.参加

Câu 15: 他们很欢迎我们来参 _____ 晚会。

- A.架 B.开 C.觉 D.加

Câu 16: 在 _____ 高的地方可以看到美丽的风景。

- A.哪儿 B.这么 C.怎样 D.别的

Câu 17: 越得不到的 _____ 就越美，越有吸引力。

- A.电视 B.东西 C.天气 D.环境

Câu 18: 这 _____ 书是王兰送给我的。

- A.本 B.把 C.张 D.件

Câu 19: 我哥哥买了一 _____ 自行车。

- A.台 B.杯 C.辆 D.碗

Câu 20: 我回来的时候，妈妈在忙 _____ 洗衣服。

- A.地 B.得 C.过 D.着

Câu 21: 明天早上到公司拿_____资料。

- A. 一点 B. 一会 C. 半天 D. 一下

Câu 22: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊聊天 B. 聊天聊天 C. 聊天一聊天 D. 聊聊天天

Câu 23: 其实, 露水_____从天上降下来的, _____在地面上形成的。

- A. 不是……就是…… B. 不是……反而……
C. 要么……要么…… D. 不是……而是……

Câu 24: _____人类社会存在, 人权问题_____会受到人类的关注。

- A. 只有……才…… B. 如果……就…… C. 只要……就…… D. 即使……也……

Câu 25: 我从来没想到, 有一天我_____会在 IBM 公司工作。

- A. 居然 B. 忽然 C. 突然 D. 毕竟

Câu 26: 他昨天说同意了, 今天_____改变了自己的主意。

- A. 才 B. 又 C. 再 D. 刚

Câu 27: 小阮: 你家的电话号码是_____?

小刘: 我家的电话号码是: 02033886886.

- A. 多少 B. 几 C. 什么 D. 哪

Câu 28: 我已经忘了是怎么和他认识_____, 他是怎么到北京的。

- A. 和 B. 另外 C. 以及 D. 还

Câu 29: 为了迎接篮球比赛, 留学生_____。

- A. 到操场进行训练下午 4 点每天 B. 每天下午 4 点到操场进行训练
C. 到操场下午 4 点进行每天训练 D. 下午 4 点每天到操场进行训练

Câu 30: 在你需要帮助的时候, _____为你做事的人, 才是真正的朋友。

- A. 悄悄 B. 默默 C. 偷偷 D. 暗暗

Câu 31: 在热闹的都市生活中, 工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。

- A. 繁忙 B. 频频 C. 频繁 D. 繁琐

Câu 32: 听说你有喜事, 快说出来, 让我们_____.。

- A. 生气 B. 丰富 C. 漂亮 D. 高兴

Câu 33: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí_____uān.

- A. z B. t C. h D. g

Câu 34: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn_____.

- A. ǎo B. ěn C. ěng D. uăng

Câu 35: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.

- A. shèntí B. shēntǐ C. shéntí D. shěnti

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.

一位管理专家对听众提出一个问题: 一分钟我们能做多少事? 答案自然是一分钟能做很多事, 比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章, 可以浏览一份 40 多版的日报, 看 5—10 个精彩的广告短片, 跑 400 多米, 做 20 多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟, 自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案, 实际上掩盖了目前急于利益的心态, 会让大家产生一种急促感, 像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去, 一心想着尽可能地多做些事情, 却不再又从容的心态去做事情, 尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义, 并不在于争得每一分钟, 而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求, 而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生, 实在是得不偿失的事情。曾经有一个人, 因为偶然在地上捡到了一枚金币, 从此每天都低头寻找, 一辈子过去了, 他捡到了几千枚金币、

几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 36: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 给朋友打电话 B. 阅读文章 C. 看精彩的广告 D. 跑 400 多米

Câu 37: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 从容地做事情 C. 变成一只蚂蚁 D. 加重了急促感

Câu 38: 作者认为生活的意义在于：

- A. 追求每一分钟的充实 B. 生活争得每一分钟
C. 生命的内涵有多丰富 D. 一生做了多少事情

Câu 39: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了金币 D. 捡到了报纸

Câu 40: 这篇文章的观点是？

- A. 要争取时间捡金币、纽扣 B. 不要忙碌而错过了一生的风景
C. 让每一分钟过得充实、有意义 D. 我们要抓紧时间提高效率

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 41 đến câu 50.

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- | | | | |
|---------------|-------|-------|-------|
| Câu 41: A. 纷纷 | B. 慢慢 | C. 逐步 | D. 立刻 |
| Câu 42: A. 还 | B. 比 | C. 也 | D. 跟 |
| Câu 43: A. 意义 | B. 丰富 | C. 兴趣 | D. 生活 |
| Câu 44: A. 整理 | B. 以为 | C. 完成 | D. 安排 |
| Câu 45: A. 出来 | B. 起来 | C. 上来 | D. 进来 |
| Câu 46: A. 沉 | B. 压 | C. 飘 | D. 浮 |
| Câu 47: A. 毕竟 | B. 究竟 | C. 终于 | D. 最后 |
| Câu 48: A. 连续 | B. 连声 | C. 连绵 | D. 一连 |
| Câu 49: A. 难过 | B. 着急 | C. 失望 | D. 得意 |
| Câu 50: A. 嘛 | B. 呢 | C. 了 | D. 吧 |

--Hết--

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 208

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

- Câu 1: 他的 A 功课 B 太紧, 只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)
Câu 2: 表姐的生日快到了, 我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。 (刚买的)
Câu 3: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)
Câu 4: 逢年过节, 全家人聚到一起 A, 十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次，老师出了道数学难题，叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤，而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智，我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”，三下五除二就做好了。这时，那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪，将粉笔一扔，大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了，但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说：“看看，急急忙忙，马马虎虎，这是做学问的严谨态度吗？在能力相当的情况下，做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话，我心中并不以为然，我看重的是结果，而老师要的似乎还有过程。

多年后，我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称，我的对手们纷纷落马，剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们，他拿出一堆账本，要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”，但我不敢小视，每个数字都牢牢把握，认真在盘算上加加减减。约一个小时左右，我完成任务了。10分钟后，竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了！为什么？会计主管回答：“你没有作月末统计，而他不但作了，还作了季度统计。”我问：“不是要年度统计吗？”主管笑道：“是啊，但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问，但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当，所以，我们最后要看的就是个人的态度了。”

（李禄兴，《HSK应试速练》，北京语言大学出版社，2007年）

Câu 5: 作者在解答老师出的数学题时：

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 6: 老师对作者的那番评价使他感到：

- A. 不服气 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 太紧张

Câu 7: “落马”的意思是：

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 8: 作者认为应聘单位的面试题怎么样？

- A. 难度大 B. 很容易 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 9: 作者写这两件事是为了说明：

- A. 做事情结果正确就行
C. 态度与结果同样重要 B. 自己很聪明但运气差
D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 10: 他是个英俊的少年, 绰号叫“外国人”, 高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 名字 D. 外号

Câu 11: 这时非常时期, 实在没办法, 您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 12: 元宵节前后，大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 插 D. 摆

Câu 13: 报社指出，对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 14: 由于他在数学上很有天分，一度曾被学校列为培养对象。

- A. 经常 B. 有时候 C. 有一阵 D. 有一年

Câu 15: 这家伙真不含糊，一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 16: 我的孩子虽然才三岁，却对听车站名很感兴趣，我一路给他念着车名，他听得津津有味。

- A. 很有兴趣 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有味道

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(17)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(18)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(19)_____尊重，不许骂人、打人；六、……

这是一个 14 岁的男孩交给自己父母的一个“平等(20)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(21)_____！然而，许多成年人却很容易(22)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(23)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(24)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(25)_____，当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(26)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007 年，有删改)

Câu 17: A. 进出 B. 进来 C. 进去 D. 进入

Câu 18: A. 随手 B. 随时 C. 随便 D. 顺便

Câu 19: A. 相对 B. 相同 C. 互相 D. 双方

Câu 20: A. 宣言 B. 宣告 C. 宣传 D. 宣布

Câu 21: A. 激烈 B. 强烈 C. 强大 D. 强调

Câu 22: A. 无所谓 B. 不注意 C. 轻视 D. 忽视

Câu 23: A. 全部 B. 一切 C. 所有 D. 整个

Câu 24: A. 优良 B. 优越 C. 优胜 D. 优秀

Câu 25: A. 相反 B. 相对 C. 反而 D. 反正

Câu 26: A. 对立 B. 对话 C. 对待 D. 待遇

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 27: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil_____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 28: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn_____.

- A. b B. p C. f D. m

Câu 29: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____.

- A. sīdē B. sīde C. shīdè D. shīde

Câu 30: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 章

Câu 31: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

- Câu 32: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?
 A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样
- Câu 33: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。
 A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
 C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风
- Câu 34: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量，他投资一个1000万元的房地产项目，一举获
得成功。
 A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于
- Câu 35: 孩子太小_____需要照顾，可老人_____不能不管啊！
 A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
 C. 固然……也…… D. 不但……还……
- Câu 36: 采用液化石油气做汽车燃料，_____环境效益明显，_____经济效益也不错。
 A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
 C. 不仅……而且…… D. 假如……就……
- Câu 37: 圣诞节的时候，玛丽买了一些_____品送给我。
 A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮
- Câu 38: 我爸爸是_____地质的，经常出差，而且一走就是三四个月。
 A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做
- Câu 39: 经过一年的_____训练，服务员们都能够高水平地为顾客服务了。
 A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严
- Câu 40: 在会上，学生们给老师们提了很多_____的建议。
 A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重
- Câu 41: 小阮：谢谢你！
 小陈：_____！
 A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的
- Câu 42: 据统计，我国各级各类学校已有157万_____。
 A. 家 B. 所 C. 座 D. 户
- Câu 43: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下，不必特别去追求健康。
 A. 项 B. 个 C. 条 D. 类
- Câu 44: 天气预报也一定准，咱把雨伞带_____, 省得挨淋。
 A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧
- Câu 45: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节，怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬，减少感冒的发生_____?
 A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗
- Câu 46: 晚上你要是实在睡不着，就找个朋友_____.
 A. 聊聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天
- Câu 47: 女人们说，如果一个男人有钱了，那么他的_____也就大了。
 A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性
- Câu 48: 听见喊他的名字，他_____紧张起来，头上都冒汗了。
 A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时
- Câu 49: 面对无情的干旱，有的农民修庙求雨，而多数农民_____打井抗旱。
 A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒
- Câu 50: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。
 A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

Chữ kí của giám thị số 1: Chữ kí của giám thị số 2: HẾT

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Mã đề: 209

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí _____ uān.

- A. z B. g C. t D. h

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn _____.

- A. ǎo B. uǎng C. ěn D. ěng

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.

- A. shèntí B. shénti C. shēntǐ D. shéntí

Câu 4: 上海是中国最大的_____市?

- A. 成 B. 城 C. 诚 D. 盛

Câu 5: 他们很欢迎我们来参_____晚会。

- A. 开 B. 觉 C. 架 D. 加

Câu 6: 在_____高的地方可以看到美丽的风景。

- A. 哪儿 B. 怎样 C. 这么 D. 别的

Câu 7: 这_____书是王兰送给我的。

- A. 本 B. 张 C. 把 D. 件

Câu 8: 我哥哥买了一_____自行车。

- A. 台 B. 辆 C. 碗 D. 杯

Câu 9: 我回来的时候, 妈妈在忙_____洗衣服。

- A. 过 B. 地 C. 得 D. 着

Câu 10: 昨天我给妈妈写_____一封信。

- A. 了 B. 过 C. 地 D. 吧

Câu 11: 明天早上到公司拿_____资料。

- A. 一点 B. 一下 C. 一会 D. 半天

Câu 12: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊聊天 B. 聊聊天 C. 聊天一聊天 D. 聊聊天天

Câu 13: 我从来没想到, 有一天我_____会在 IBM 公司工作。

- A. 忽然 B. 突然 C. 居然 D. 毕竟

Câu 14: 他昨天说同意了, 今天_____改变了自己的主意。

- A. 又 B. 再 C. 才 D. 刚

Câu 15: 我已经忘记了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。

- A. 和 B. 还 C. 另外 D. 以及

Câu 16: 为了迎接篮球比赛, 留学生_____。

- A. 下午 4 点每天到操场进行训练 B. 到操场下午 4 点进行每天训练

- C. 到操场进行训练下午 4 点每天 D. 每天下午 4 点到操场进行训练

Câu 17: 在热闹的都市生活中, 工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。

- A. 繁忙 B. 频繁 C. 频频 D. 繁琐

Câu 18: 其实, 露水_____从天上降下来的, _____在地面上形成的。

- A. 不是……就是…… B. 不是……而是…… C. 不是……反而…… D. 要么……要么……

- Câu 19: _____人类社会存在，人权问题_____会受到人类的关注。
 A. 只有……才…… B. 即使……也…… C. 如果……就…… D. 只要……就……
- Câu 20: 越得不到的_____就越美，越有吸引力。
 A. 东西 B. 天气 C. 电视 D. 环境
- Câu 21: 他的数学成绩_____得很快。
 A. 提高 B. 帮助 C. 觉得 D. 参加
- Câu 22: 听说你有喜事，快说出来，让我们也_____。
 A. 生气 B. 高兴 C. 丰富 D. 漂亮
- Câu 23: 在你需要帮助的时候，_____为你做事的人，才是真正的朋友。
 A. 偷偷 B. 暗暗 C. 悄悄 D. 默默
- Câu 24: 小阮：你家的电话号码是_____？
 小刘：我家的电话号码是：02033886886。
 A. 几 B. 什么 C. 哪 D. 多少
- Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.*
- Câu 25: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。
 (多)
- Câu 26: 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。
 (对我们)
- Câu 27: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。
 (美好的)
- Câu 28: 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。
 (汉语)
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.*
- Câu 29: 那虽然是往事，但我还要提到。
 A. 来往的事 B. 常发生的事 C. 过去的事 D. 将来的事
- Câu 30: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。
 A. 足够 B. 非常 C. 正在 D. 已经
- Câu 31: 学习外语时要多说，说错了也没关系。
 A. 影响 B. 作用 C. 关联 D. 原因
- Câu 32: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。
 A. 一定 B. 全部 C. 一般 D. 应该
- Câu 33: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。
 A. 有风度 B. 有美感 C. 有金钱 D. 有积极态度
- Câu 34: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。
 A. 尤其 B. 格外 C. 专门 D. 照顾
- Câu 35: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。
 A. 好像 B. 明白 C. 清楚 D. 模糊
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 36 đến câu 45.*
- 曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。
- 就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。
- 大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么

回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，一
把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的
这个小儿子聪明呢！

- | | | | |
|--------------|-------|-------|-------|
| Câu 36:A. 慢慢 | B. 纷纷 | C. 逐步 | D. 立刻 |
| Câu 37:A. 也 | B. 跟 | C. 还 | D. 比 |
| Câu 38:A. 意义 | B. 兴趣 | C. 丰富 | D. 生活 |
| Câu 39:A. 整理 | B. 以为 | C. 安排 | D. 完成 |
| Câu 40:A. 出来 | B. 上来 | C. 进来 | D. 起来 |
| Câu 41:A. 飘 | B. 沉 | C. 压 | D. 浮 |
| Câu 42:A. 终于 | B. 毕竟 | C. 究竟 | D. 最后 |
| Câu 43:A. 连续 | B. 连绵 | C. 一连 | D. 连声 |
| Câu 44:A. 难过 | B. 失望 | C. 得意 | D. 着急 |
| Câu 45:A. 呢 | B. 了 | C. 嘛 | D. 吧 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份40多版的日报，看5—10个精彩的广告短片，跑400多米，做20多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了日前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再又从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 46: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 阅读文章 B. 给朋友打电话 C. 看精彩的广告 D. 跑400多米

Câu 47: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 变成一只蚂蚁 C. 从容地做事情 D. 加重了急促感

Câu 48: 作者认为生活的意义在于：

- A. 生命的内涵有多丰富 B. 一生做了多少事情
C. 追求每一分钟的充实 D. 生活争得每一分钟

Câu 49: 男的捡到什么？

- A. 捡到了金币 B. 捡到了词典 C. 捡到了蚂蚁 D. 捡到了报纸

Câu 50: 这篇文章的观点是？

- A. 我们要抓紧时间提高效率 B. 让每一分钟过得充实、有意义
C. 不要忙碌而错过了一生的风景 D. 要争取时间捡金币、纽扣

---Hết---

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 210

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次，老师出了道数学难题，叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤，而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智，我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”，三下五除二就做好了。这时，那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪，将粉笔一扔，大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了，但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说：“看看，急急忙忙，马马虎虎，这是做学问的严谨态度吗？在能力相当的情况下，做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话，我心中并不以为然，我看重的是结果，而老师要的似乎还有过程。

多年后，我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称，我的对手们纷纷落马，剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们，他拿出一堆账本，要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”，但我不敢小视，每个数字都牢牢把握，认真在盘算上加加减减。约一个小时左右，我完成任务了。10分钟后，竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了！为什么？会计主管回答：“你没有作月末统计，而他不但作了，还作了季度统计。”我问：“不是要年度统计吗？”主管笑道：“是啊，但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问，但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当，所以，我们最后要看的就是个人的态度了。”

（李禄兴，《HSK应试速练》，北京语言大学出版社，2007年）

Câu 1: 作者在解答老师出的数学题时：

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 不够稳重 D. 又快又好

Câu 2: 老师对作者的那番评价使他感到：

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 3: “落马”的意思是：

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 4: 作者认为应聘单位的面试题怎么样？

- A. 很容易 B. 难度大 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 5: 作者写这两件事是为了说明：

- A. 态度与结果同样重要 B. 自己很聪明但运气差
C. 做事情结果正确就行 D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 6: 据统计，我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 7: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下，不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 8: 采用液化石油气做汽车燃料，_____环境效益明显，_____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 9: 圣诞节的时候，玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 10: 我爸爸是_____地质的，经常出差，而且一走就是三四个月。

- A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做

- Câu 11: 经过一年的_____训练，服务员们都能够高水平地为顾客服务了。
 A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严
- Câu 12: 天气预报也一定准，咱把雨伞带_____，省得挨淋。
 A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧
- Câu 13: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节，怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬，减少感冒的发生_____?
 A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗
- Câu 14: 晚上你要是实在睡不着，就找个朋友_____。
 A. 聊聊天天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天
- Câu 15: 女人们说，如果一个男人有钱了，那么他的_____也就大了。
 A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性
- Câu 16: 听见喊他的名字，他_____紧张起来，头上都冒汗了。
 A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时
- Câu 17: 面对无情的干旱，有的农民修庙求雨，而多数农民_____打井抗旱。
 A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒
- Câu 18: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil_____
 A. āng B. áng C. iāng D. iáng
- Câu 19: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiān_____ō.
 A. b B. p C. f D. m
- Câu 20: Phiên âm đúng của từ 似的 là:_____.
 A. sīdē B. sīde C. shīdē D. shīde
- Câu 21: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。
 A. 占 B. 创 C. 障 D. 瞳
- Câu 22: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。
 A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇
- Câu 23: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?
 A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样
- Câu 24: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。
 A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而
- Câu 25: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。
 A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
 C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风
- Câu 26: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量，他投资一个1000万元的房地产项目，一举获得成功。
 A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于
- Câu 27: 孩子太小_____需要照顾，可老人_____不能不管啊！
 A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
 C. 固然……也…… D. 不但……还……
- Câu 28: 在会上，学生们给老师们提了很多_____的建议。
 A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重
- Câu 29: 小阮：谢谢你！
 小陈：_____！
 A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(30)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(31)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(32)_____尊重，不许骂人、打人；六、……

这是一个 14 岁的男孩交给自己父母的一个“平等(33)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(34)_____！然而，许多成年人却很容易(35)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(36)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(37)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(38)_____, 当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(39)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007年，有删改)

- | | | | |
|----------------|--------|-------|-------|
| Câu 30: A. 进入 | B. 进来 | C. 进去 | D. 进出 |
| Câu 31: A. 随手 | B. 随时 | C. 随便 | D. 顺便 |
| Câu 32: A. 相对 | B. 相同 | C. 双方 | D. 互相 |
| Câu 33: A. 宣言 | B. 宣告 | C. 宣传 | D. 宣布 |
| Câu 34: A. 激烈 | B. 强烈 | C. 强大 | D. 强调 |
| Câu 35: A. 无所谓 | B. 不注意 | C. 轻视 | D. 忽视 |
| Câu 36: A. 全部 | B. 一切 | C. 所有 | D. 整个 |
| Câu 37: A. 优良 | B. 优胜 | C. 优越 | D. 优秀 |
| Câu 38: A. 相反 | B. 相对 | C. 反而 | D. 反正 |
| Câu 39: A. 对立 | B. 对话 | C. 对待 | D. 待遇 |

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

- Câu 40: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)
 Câu 41: 表姐的生日快到了，我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。 (刚买的)
 Câu 42: 他的 A 功课 B 太紧，只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)
 Câu 43: 逢年过节，全家人聚到一起 A，十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

- Câu 44: 报社指出，对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

- Câu 45: 由于他在数学上很有天分，一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

- Câu 46: 这家伙真不含糊，一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

- Câu 47: 他是个英俊的少年，绰号叫“外国人”，高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

- Câu 48: 这时非常时期，实在没办法，您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

- Câu 49: 元宵节前后，大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 插 D. 摆

- Câu 50: 我的孩子虽然才三岁，却对听车站名很感兴趣，我一路给他念着车名，他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有兴趣

HẾT-----

Chữ kí của giám thị số 1:..... Chữ kí của giám thị số 2:.....

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề: 211

Số báo danh:.....

*Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.***Câu 1:** 学习外语时要多说，说错了也没关系。

- A. 影响 B. 作用 C. 关联 D. 原因

Câu 2: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。

- A. 一定 B. 一般 C. 应该 D. 全部

Câu 3: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。

- A. 好像 B. 模糊 C. 明白 D. 清楚

Câu 4: 那虽然是往事，但我还要提到。

- A. 过去的事 B. 将来的事 C. 常发生的事 D. 来往的事

Câu 5: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。

- A. 有美感 B. 有风度 C. 有金钱 D. 有积极态度

Câu 6: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。

- A. 尤其 B. 照顾 C. 格外 D. 专门

Câu 7: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。

- A. 足够 B. 非常 C. 已经 D. 正在

*Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.***Câu 8:** 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)**Câu 9:** 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。 (汉语)**Câu 10:** 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)**Câu 11:** A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)*Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.***Câu 12:** 越得不到的_____就越美，越有吸引力。

- A. 东西 B. 天气 C. 电视 D. 环境

Câu 13: 他的数学成绩_____得很快。

- A. 觉得 B. 提高 C. 帮助 D. 参加

Câu 14: 听说你有喜事，快说出来，让我们也_____。

- A. 生气 B. 高兴 C. 漂亮 D. 丰富

Câu 15: 在你需要帮助的时候，_____为你做事的人，才是真正的朋友。

- A. 暗暗 B. 悄悄 C. 偷偷 D. 默默

Câu 16: 小阮：你家的电话号码是_____？

小刘：我家的电话号码是：02033886886。

- A. 几 B. 哪 C. 多少 D. 什么

Câu 17: 上海是中国最大的_____市？

- A. 诚 B. 盛 C. 成 D. 城

Câu 18: 他们很欢迎我们来参_____晚会。

- A. 开 B. 加 C. 觉 D. 架

Câu 19: 在_____高的地方可以看到美丽的风景。

- A. 这么 B. 别的 C. 哪儿 D. 怎样

- Câu 20: 这_____书是王兰送给我的。
 A. 本 B. 件 C. 张 D. 把
- Câu 21: 我哥哥买了一_____自行车。
 A. 辆 B. 碗 C. 台 D. 杯
- Câu 22: 我回来的时候，妈妈在忙_____洗衣服。
 A. 过 B. 着 C. 地 D. 得
- Câu 23: 昨天我给妈妈写_____一封信。
 A. 吧 B. 了 C. 过 D. 地
- Câu 24: 明天早上到公司拿_____资料。
 A. 一点 B. 半天 C. 一下 D. 一会
- Câu 25: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。
 A. 聊聊天 B. 聊天聊天 C. 聊天一聊天 D. 聊聊天天
- Câu 26: 我从来没想到，有一天我_____会在 IBM 公司工作。
 A. 居然 B. 忽然 C. 突然 D. 毕竟
- Câu 27: 他昨天说同意了，今天_____改变了自己的主意。
 A. 刚 B. 又 C. 再 D. 才
- Câu 28: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí_____uān.
 A. z B. h C. g D. t
- Câu 29: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn_____.
 A. uāng B. ēn C. ěng D. ǎo
- Câu 30: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.
 A. shèntí B. shēntǐ C. shéntí D. shěnti
- Câu 31: 我已经忘记了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。
 A. 还 B. 和 C. 另外 D. 以及
- Câu 32: 为了迎接篮球比赛，留学生_____。
 A. 下午 4 点每天到操场进行训练 B. 每天下午 4 点到操场进行训练
 C. 到操场进行训练下午 4 点每天 D. 到操场下午 4 点进行每天训练
- Câu 33: 在热闹的都市生活中，工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。
 A. 繁忙 B. 繁琐 C. 频繁 D. 频频
- Câu 34: 其实，露水_____从天上降下来的，_____在地面上形成的。
 A. 不是……就是…… B. 不是……反而…… C. 要么……要么…… D. 不是……而是……
- Câu 35: _____人类社会存在，人权问题_____会受到人类的关注。
 A. 只要……就…… B. 只有……才…… C. 即使……也…… D. 如果……就……

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份 40 多版的日报，看 5—10 个精彩的广告短片，跑 400 多米，做 20 多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了目前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、

几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 36: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 给朋友打电话 B. 看精彩的广告 C. 阅读文章 D. 跑 400 多米

Câu 37: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 加重了急促感 C. 变成一只蚂蚁 D. 从容地做事情

Câu 38: 作者认为生活的意义在于：

- A. 追求每一分钟的充实 B. 生活争得每一分钟
C. 生命的内涵有多丰富 D. 一生做了多少事情

Câu 39: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了报纸 D. 捡到了金币

Câu 40: 这篇文章的观点是？

- A. 我们要抓紧时间提高效率 B. 要争取时间捡金币、纽扣
C. 不要忙碌而错过了一生的风景 D. 让每一分钟过得充实、有意义

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 41 đến câu 50.

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- Câu 41: A. 逐步 B. 立刻 C. 慢慢 D. 纷纷
Câu 42: A. 跟 B. 还 C. 也 D. 比
Câu 43: A. 兴趣 B. 丰富 C. 意义 D. 生活
Câu 44: A. 安排 B. 完成 C. 整理 D. 以为
Câu 45: A. 出来 B. 进来 C. 上来 D. 起来
Câu 46: A. 飘 B. 沉 C. 浮 D. 压
Câu 47: A. 毕竟 B. 究竟 C. 终于 D. 最后
Câu 48: A. 连续 B. 连声 C. 连绵 D. 一连
Câu 49: A. 得意 B. 着急 C. 难过 D. 失望
Câu 50: A. 嘴 B. 呢 C. 了 D. 吧

---Hết---

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 212

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 1: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 塘

Câu 2: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

Câu 3: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样

Câu 4: 据统计, 我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 5: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下, 不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 6: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil_____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 7: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn_____.

- A. b B. p C. f D. m

Câu 8: Phiên âm đúng của từ 似的 là:_____.

- A. sīdē B. sīde C. shīdè D. shīde

Câu 9: 天气预报也一定准, 咱把雨伞带_____, 省得挨淋。

- A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧

Câu 10: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节, 怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬, 减少感冒的发生_____?

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗

Câu 11: 晚上你要是实在睡不着, 就找个朋友_____。

- A. 聊天聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天

Câu 12: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量, 他投资一个 1000 万元的房地产项目, 一举获得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 13: 孩子太小_____需要照顾, 可老人_____不能不管啊!

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 14: 采用液化石油气做汽车燃料, _____环境效益明显, _____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 15: 圣诞节的时候, 玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 16: 我爸爸是_____地质的, 经常出差, 而且一走就是三四个月。

- A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做

Câu 17: 经过一年的_____训练, 服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严

Câu 18: 在会上, 学生们给老师们提了很多_____的建议。

- A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重

Câu 19: 小阮: 谢谢你!

小陈: _____!

- A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Câu 20: 女人们说, 如果一个男人有钱了, 那么他的_____也就大了。

- A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性

Câu 21: 听见喊他的名字, 他_____紧张起来, 头上都冒汗了。

- A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时

Câu 22: 面对无情的干旱, 有的农民修庙求雨, 而多数农民_____打井抗旱。

- A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒

Câu 23: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

Câu 24: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外, 自己安排活动; 二、我在家时, (25)_____我的房间必须先敲门; 三、未经允许, 不许(26)_____动我的东西; 四、我外出时, 不必告诉去哪里, 只需告诉何时回来; 五、必须(27)_____尊重, 不许骂人、打人; 六、.....

这是一个 14 岁的男孩交给自己父母的一个“平等(28)_____”, 从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(29)_____! 然而, 许多成年人却很容易(30)_____青少年的对尊重的要求, 他们总是想, 既然自己是父母, 是老师, 就有权利支配孩子的(31)_____. 他们甚至往往不惜损害孩子的自尊, 以成年人的(32)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为, 一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(33)_____, 当人缺乏自尊时, 就会感到悲观、失望, 容易导致心理疾病。因此, 成年人在高喊“人人平等”时, 不要忘记未成年人也需要平等(34)_____。

(倪明亮, 《中国汉语水平考试应试指南》, 北京语言大学出版社, 2007 年, 有删改)

Câu 25: A. 进出 B. 进来 C. 进去 D. 进入

Câu 26: A. 随手 B. 随时 C. 随便 D. 顺便

Câu 27: A. 相对 B. 相同 C. 互相 D. 双方

Câu 28: A. 宣言 B. 宣告 C. 宣传 D. 宣布

Câu 29: A. 激烈 B. 强烈 C. 强大 D. 强调

Câu 30: A. 无所谓 B. 不注意 C. 轻视 D. 忽视

Câu 31: A. 全部 B. 一切 C. 所有 D. 整个

Câu 32: A. 优良 B. 优越 C. 优胜 D. 优秀

Câu 33: A. 相反 B. 相对 C. 反而 D. 反正

Câu 34: A. 对立 B. 对话 C. 对待 D. 待遇

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau:

Câu 35: 他是个英俊的少年, 绰号叫“外国人”, 高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

Câu 36: 这时非常时期, 实在没办法, 您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 37: 元宵节前后, 大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 捆 D. 摆

Câu 38: 报社指出, 对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 39: 由于他在数学上很有天分, 一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

Câu 40: 这家伙真不含糊, 一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 41: 我的孩子虽然才三岁, 却对听车站名很感兴趣, 我一路给他念着车名, 他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有兴趣

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次, 老师出了道数学难题, 叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤, 而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智, 我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”, 三下五除二就做好了。这时, 那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪, 将粉笔一扔, 大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了, 但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说: “看看, 急急忙忙, 马马虎虎, 这是做学问的严谨态度吗? 在能力相当的情况下, 做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话, 我心中并不以为然, 我看重的是结果, 而老师要的似乎还有过程。

多年后, 我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称, 我的对手们纷纷落马, 剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们, 他拿出一堆账本, 要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”, 但我不敢小视, 每个数字都牢牢把握, 认真在盘算上加加减减。约一个小时左右, 我完成任务了。10分钟, 竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了! 为什么? 会计主管回答: “你没有作月末统计, 而他不但作了, 还作了季度统计。”我问: “不是要年度统计吗?”主管笑道: “是啊, 但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问, 但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当, 所以, 我们最后要看的就是个人的态度了。”

(李棣兴, 《HSK应试速练》, 北京语言大学出版社, 2007年)

Câu 42: 作者在解答老师出的数学题时:

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 43: 老师对作者的那番评价使他感到:

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 44: “落马”的意思是:

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 45: 作者认为应聘单位的面试题怎么样?

- A. 难度大 B. 很容易 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 46: 作者写这两件事是为了说明:

- A. 态度与结果同样重要 B. 自己很聪明但运气差
C. 做事情结果正确就行 D. 做事认真要从小培养

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 47: 逢年过节, 全家人聚到一起 A, 十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Câu 48: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)

Câu 49: 他的 A 功课 B 太紧, 只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 50: 表姐的生日快到了, 我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。 (刚买的)

-----HẾT-----

Chữ kí của giám thị số 1: Chữ kí của giám thị số 2:

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Mã đề: 213

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 1: 老师 A 要求非常 B 严格, 所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)

Câu 2: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)

Câu 3: 为了 A 更好地了解 B 中国文化, 他 C 开始学习 D。 (汉语)

Câu 4: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 5: 他退休以后常常喜欢和别人 _____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊天聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天一聊天

Câu 6: 上海是中国最大的 _____ 市?

- A. 诚 B. 成 C. 城 D. 盛

Câu 7: 他们很欢迎我们来参 _____ 晚会。

- A. 开 B. 架 C. 加 D. 觉

Câu 8: 其实, 露水 _____ 从天上降下来的, _____ 在地面上形成的。

- A. 不是……而是…… B. 不是……反而…… C. 不是……就是…… D. 要么……要么……

Câu 9: _____ 人类社会存在, 人权问题 _____ 会受到人类的关注。

- A. 只有……才…… B. 如果……就…… C. 只要……就…… D. 即使……也……

Câu 10: 在 _____ 高的地方可以看到美丽的风景。

- A. 怎样 B. 这么 C. 哪儿 D. 别的

Câu 11: 这 _____ 书是王兰送给我的。

- A. 本 B. 件 C. 张 D. 把

Câu 12: 我哥哥买了一 _____ 自行车。

- A. 台 B. 碗 C. 杯 D. 辆

Câu 13: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí _____ uān.

- A. z B. h C. g D. t

Câu 14: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn _____.

- A. ěn B. ǎo C. uǎng D. ěng

Câu 15: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.

- A. shèntí B. shēntǐ C. shéntí D. shěnti

Câu 16: 小阮: 你家的电话号码是 _____ ?

小刘: 我家的电话号码是: 02033886886.

- A. 几 B. 多少 C. 什么 D. 哪

Câu 17: 我回来的时候, 妈妈在忙 _____ 洗衣服。

- A. 着 B. 过 C. 地 D. 得

Câu 18: 明天早上到公司拿 _____ 资料。

- A. 一点 B. 一下 C. 半天 D. 一会

Câu 19: 我从来没想到, 有一天我 _____ 会在 IBM 公司工作。

- A. 忽然 B. 居然 C. 毕竟 D. 突然

Câu 20: 昨天我给妈妈写 _____ 一封信。

- A. 了 B. 地 C. 吧 D. 过

- Câu 21: 他昨天说同意了, 今天_____改变了自己的主意。
 A. 又 B. 才 C. 再 D. 刚
- Câu 22: 越得不到的_____就越美, 越有吸引力。
 A. 天气 B. 东西 C. 电视 D. 环境
- Câu 23: 他的数学成绩_____得很快。
 A. 帮助 B. 提高 C. 参加 D. 觉得
- Câu 24: 我已经忘记了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。
 A. 和 B. 以及 C. 还 D. 另外
- Câu 25: 在你需要帮助的时候, _____为你做事的人, 才是真正的朋友。
 A. 默默 B. 偷偷 C. 暗暗 D. 悄悄
- Câu 26: 为了迎接篮球比赛, 留学生_____。
 A. 到操场下午4点进行每天训练 B. 下午4点每天到操场进行训练
 C. 到操场进行训练下午4点每天 D. 每天下午4点到操场进行训练
- Câu 27: 在热闹的都市生活中, 工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。
 A. 繁忙 B. 频繁 C. 频繁 D. 繁琐
- Câu 28: 听说你有喜事, 快说出来, 让我们也_____。
 A. 高兴 B. 丰富 C. 漂亮 D. 生气
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.*
- Câu 29: 学习外语时要多说, 说错了也没关系。
 A. 关联 B. 原因 C. 影响 D. 作用
- Câu 30: 那虽然是往事, 但我还要提到。
 A. 常发生的事 B. 过去的事 C. 将来的事 D. 来往的事
- Câu 31: 对于改进工作的建议, 我们一概赞同。
 A. 一定 B. 应该 C. 全部 D. 一般
- Câu 32: 你穿得这么整齐, 显得很精神, 我差点儿认不出来你。
 A. 有美感 B. 有风度 C. 有金钱 D. 有积极态度
- Câu 33: 他们就够忙了, 别再给他们加任务了。
 A. 非常 B. 足够 C. 正在 D. 已经
- Câu 34: 山里的雾太大, 我隐约看见有个人向我跑来, 好像还喊了句什么。
 A. 好像 B. 清楚 C. 明白 D. 模糊
- Câu 35: 因为你是奥运冠军, 厂家才特意给你制造了这支金枪。
 A. 尤其 B. 照顾 C. 格外 D. 专门
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 36 đến câu 45.*
- 曹操得到一只大象, 很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论, 发表自己的意见。有人说, 制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢? 有人说, 把它砍成小块儿, 然后再秤。可是把大象杀了, 知道重量又有什么意义呢? 大家想了很多办法, 可是都行不通。
- 就在这时, 曹操的小儿子曹冲对父亲说: “爸爸, 我有个办法可以秤大象!”然后他就把办法告诉了曹操, 曹操一听, 连连叫好, 立刻安排人准备秤象, 并且让大家都过去观看。
- 大家来到河边, 看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上, 等船身稳定, 他就在弦与水面齐平的地方, 画了一条线。然后, 曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后, 他让人把大大小小的石头, 一块儿一块儿地往船上装, 船身就一点儿一点儿往下沉, 等船上的那条线和水面再次平齐的时候, 曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛, 这才终于弄清了是怎么

回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- | | | | |
|---------------|-------|-------|-------|
| Câu 36: A. 慢慢 | B. 立刻 | C. 纷纷 | D. 逐步 |
| Câu 37: A. 也 | B. 还 | C. 比 | D. 跟 |
| Câu 38: A. 兴趣 | B. 意义 | C. 丰富 | D. 生活 |
| Câu 39: A. 整理 | B. 安排 | C. 完成 | D. 以为 |
| Câu 40: A. 上来 | B. 进来 | C. 起来 | D. 出来 |
| Câu 41: A. 飘 | B. 压 | C. 沉 | D. 浮 |
| Câu 42: A. 终于 | B. 最后 | C. 毕竟 | D. 究竟 |
| Câu 43: A. 连续 | B. 连绵 | C. 连声 | D. 一连 |
| Câu 44: A. 难过 | B. 失望 | C. 着急 | D. 得意 |
| Câu 45: A. 了 | B. 嘛 | C. 吧 | D. 呢 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份40多版的日报，看5—10个精彩的广告短片，跑400多米，做20多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了目前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再又从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 46: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 阅读文章 B. 跑400多米 C. 给朋友打电话 D. 看精彩的广告

Câu 47: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 加重了急促感 B. 提高工作效率 C. 变成一只蚂蚁 D. 从容地做事情

Câu 48: 作者认为生活的意义在于：

- A. 生命的内涵有多丰富
C. 生活争得每一分钟
B. 一生做了多少事情
D. 追求每一分钟的充实

Câu 49: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了报纸 D. 捡到了金币

Câu 50: 这篇文章的观点是？

- A. 让每一分钟过得充实、有意义
C. 不要忙碌而错过了一生的风景
B. 我们要抓紧时间提高效率
D. 要争取时间捡金币、纽扣

--Hết--

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 214

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil _____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn _____

- A. b B. p C. f D. m

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____

- A. sīde B. side C. shidè D. shide

Câu 4: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 站

Câu 5: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

Câu 6: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样

Câu 7: 据统计, 我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 8: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下, 不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 9: 天气预报也一定准, 咱把雨伞带_____, 省得挨淋。

- A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧

Câu 10: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节, 怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬, 减少感冒的发生_____?

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗

Câu 11: 晚上你要是实在睡不着, 就找个朋友_____。

- A. 聊天聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天

Câu 12: 女人们说, 如果一个男人有钱了, 那么他的_____也就大了。

- A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性

Câu 13: 听见喊他的名字, 他_____紧张起来, 头上都冒汗了。

- A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时

Câu 14: 面对无情的干旱, 有的农民修庙求雨, 而多数农民_____打井抗旱。

- A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒

Câu 15: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

Câu 16: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风

- C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Câu 17: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量, 他投资一个 1000 万元的房地产项目, 一举获得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 18: 孩子太小_____需要照顾, 可老人_____不能不管啊!

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……

- C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 19: 采用液化石油气做汽车燃料, _____ 环境效益明显, _____ 经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 20: 圣诞节的时候, 玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 21: 我爸爸是_____地质的, 经常出差, 而且一走就是三四个月。

- A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做

Câu 22: 经过一年的_____训练, 服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严

Câu 23: 在会上, 学生们给老师们提了很多_____的建议。

- A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重

Câu 24: 小阮: 谢谢你!

小陈: _____!

- A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 25: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)

Câu 26: 他的 A 功课 B 太紧, 只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 27: 表姐的生日快到了, 我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。 (刚买的)

Câu 28: 逢年过节, 全家人聚到一起 A, 十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 29: 他是个英俊的少年, 绰号叫“外国人”, 高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

Câu 30: 这时非常时期, 实在没办法, 您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 31: 元宵节前后, 大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 插 D. 摆

Câu 32: 报社指出, 对于在此评选中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 33: 由于他在数学上很有天分, 一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

Câu 34: 这家伙真不含糊, 一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 35: 我的孩子虽然才三岁, 却对听车站名很感兴趣, 我一路给他念着车名, 他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有兴趣

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次, 老师出了道数学难题, 叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤, 而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智, 我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”, 三下五除二就做好了。这时, 那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪, 将粉笔一扔, 大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了, 但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说: “看看, 急急忙忙, 马马虎虎, 这是做学问的严谨态度吗? 在能力相当的情况下, 做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话, 我心中并不以为然, 我看重的是结果, 而老师要的似乎还有过程。

多年后, 我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称, 我的对手们纷纷落马, 剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们, 他拿出一堆账本, 要

我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”，但我不敢小视，每个数字都牢牢把握，认真在盘算上加加减减。约一个小时左右，我完成任务了。10分钟，竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了！为什么？会计主管回答：“你没有作月末统计，而他不但作了，还作了季度统计。”我问：“不是要年度统计吗？”主管笑道：“是啊，但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问，但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当，所以，我们最后要看的就是个人的态度了。”

(李禄兴，《HSK应试速练》，北京语言大学出版社，2007年)

Câu 36: 作者在解答老师出的数学题时：

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 37: 老师对作者的那番评价使他感到：

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 38: “落马”的意思是：

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 39: 作者认为应聘单位的面试题怎么样？

- A. 难度大 B. 很容易 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 40: 作者写这两件事是为了说明：

- A. 态度与结果同样重要
B. 自己很聪明但运气差
C. 做事情结果正确就行
D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(41)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(42)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(43)_____尊重，不许骂人、打人；六、……

这是一个14岁的男孩交给自己的父母的一个“平等(44)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(45)_____！然而，许多成年人却很容易(46)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(47)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(48)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(49)_____, 当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(50)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007年，有删改)

- Câu 41: A. 进出 B. 进来 C. 进去 D. 进入
Câu 42: A. 随手 B. 随时 C. 随便 D. 顺便
Câu 43: A. 相对 B. 相同 C. 互相 D. 双方
Câu 44: A. 宣言 B. 宣告 C. 宣传 D. 宣布
Câu 45: A. 激烈 B. 强烈 C. 强大 D. 强调
Câu 46: A. 无所谓 B. 不注意 C. 轻视 D. 忽视
Câu 47: A. 全部 B. 一切 C. 所有 D. 整个
Câu 48: A. 优良 B. 优越 C. 优胜 D. 优秀
Câu 49: A. 相反 B. 相对 C. 反而 D. 反正
Câu 50: A. 对立 B. 对话 C. 对待 D. 待遇

HẾT

Chữ ký của giám thị số 1: Chữ ký của giám thị số 2:

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề: 215

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ in đậm trong các câu sau.

Câu 1: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。

- A.一般 B. 应该 C.一定 D.全部

Câu 2: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。

- A.尤其 B.专门 C.照顾 D.格外

Câu 3: 那虽然是往事，但我还要提到。

- A.过去的事 B.来往的事 C.将来的事 D.常发生的事

Câu 4: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。

- A.非常 B.正在 C.足够 D.已经

Câu 5: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。

- A.有金钱 B.有风度 C.有积极态度 D.有美感

Câu 6: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。

- A.清楚 B.好像 C.明白 D.模糊

Câu 7: 学习外语时要多说，说错了也没关系。

- A.关联 B.影响 C.作用 D.原因

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc.

Câu 8: 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。 (汉语)

Câu 9: 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)

Câu 10: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)

Câu 11: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 12: 昨天我给妈妈写 _____ 一封信。

- A.了 B.吧 C.过 D.地

Câu 13: 上海是中国最大的 _____ 市?

- A.成 B.诚 C.城 D.盛

Câu 14: 他的数学成绩 _____ 得很快。

- A.帮助 B.觉得 C.提高 D.参加

Câu 15: 他们很欢迎我们来参 _____ 晚会。

- A.架 B.开 C.觉 D.加

Câu 16: 在 _____ 高的地方可以看到美丽的风景。

- A.哪儿 B.这么 C.怎样 D.别的

Câu 17: 越得不到的 _____ 就越美，越有吸引力。

- A.电视 B.东西 C.天气 D.环境

Câu 18: 这 _____ 书是王兰送给我的。

- A.本 B.把 C.张 D.件

Câu 19: 我哥哥买了一 _____ 自行车。

- A.台 B.杯 C.辆 D.碗

Câu 20: 我回来的时候，妈妈在忙 _____ 洗衣服。

- A.地 B.得 C.过 D.着

Câu 21: 明天早上到公司拿_____资料。

- A. 一点 B. 一会 C. 半天 D. 一下

Câu 22: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊聊天 B. 聊天聊天 C. 聊天一聊天 D. 聊聊天天

Câu 23: 其实, 露水_____从天上降下来的, _____在地面上形成的。

- A. 不是……就是…… B. 不是……反而……
C. 要么……要么…… D. 不是……而是……

Câu 24: _____人类社会存在, 人权问题_____会受到人类的关注。

- A. 只有……才…… B. 如果……就…… C. 只要……就…… D. 即使……也……

Câu 25: 我从来没想到, 有一天我_____会在 IBM 公司工作。

- A. 居然 B. 忽然 C. 突然 D. 毕竟

Câu 26: 他昨天说同意了, 今天_____改变了自己的主意。

- A. 才 B. 又 C. 再 D. 刚

Câu 27: 小阮: 你家的电话号码是_____?

小刘: 我家的电话号码是: 02033886886.

- A. 多少 B. 几 C. 什么 D. 哪

Câu 28: 我已经忘记了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。

- A. 和 B. 另外 C. 以及 D. 还

Câu 29: 为了迎接篮球比赛, 留学生_____。

- A. 到操场进行训练下午 4 点每天 B. 每天下午 4 点到操场进行训练
C. 到操场下午 4 点进行每天训练 D. 下午 4 点每天到操场进行训练

Câu 30: 在你需要帮助的时候, _____为你做事的人, 才是真正的朋友。

- A. 悄悄 B. 默默 C. 偷偷 D. 暗暗

Câu 31: 在热闹的都市生活中, 工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。

- A. 繁忙 B. 频频 C. 频繁 D. 繁琐

Câu 32: 听说你有喜事, 快说出来, 让我们也_____。

- A. 生气 B. 丰富 C. 漂亮 D. 高兴

Câu 33: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí _____ uān.

- A. z B. t C. h D. g

Câu 34: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn _____.

- A. ǎo B. ěn C. ěng D. uăng

Câu 35: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.

- A. shèntí B. shéntí C. shéntí D. shěnti

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.

一位管理专家对听众提出一个问题: 一分钟我们能做多少事? 答案自然是一分钟能做很多事, 比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章, 可以浏览一份40多版的日报, 看5—10个精彩的广告短片, 跑400多米, 做20多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟, 自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案, 实际上掩盖了目前急于利益的心态, 会让大家产生一种急促感, 像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去, 一心想着尽可能地多做些事情, 却不再又从容的心态去做事情, 尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义, 并不在于争得每一分钟, 而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求, 而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生, 实在是得不偿失的事情。曾经有一个人, 因为偶然在地上捡到了一枚金币, 从此每天都低头寻找, 一辈子过去了, 他捡到了几千枚金币、

几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 36: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 给朋友打电话 B. 阅读文章 C. 看精彩的广告 D. 跑 400 多米

Câu 37: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 从容地做事情 C. 变成一只蚂蚁 D. 加重了急促感

Câu 38: 作者认为生活的意义在于：

- A. 追求每一分钟的充实
C. 生命的内涵有多丰富
B. 生活争得每一分钟
D. 一生做了多少事情

Câu 39: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了金币 D. 捡到了报纸

Câu 40: 这篇文章的观点是？

- A. 要争取时间捡金币、纽扣
C. 让每一分钟过得充实、有意义
B. 不要忙碌而错过了一生的风景
D. 我们要抓紧时间提高效率

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 41 đến câu 50.

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么回事。他们连声称贊：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- | | | | |
|---------------|-------|-------|-------|
| Câu 41: A. 纷纷 | B. 慢慢 | C. 逐步 | D. 立刻 |
| Câu 42: A. 还 | B. 比 | C. 也 | D. 跟 |
| Câu 43: A. 意义 | B. 丰富 | C. 兴趣 | D. 生活 |
| Câu 44: A. 整理 | B. 以为 | C. 完成 | D. 安排 |
| Câu 45: A. 出来 | B. 起来 | C. 上来 | D. 进来 |
| Câu 46: A. 沉 | B. 压 | C. 飘 | D. 浮 |
| Câu 47: A. 毕竟 | B. 究竟 | C. 终于 | D. 最后 |
| Câu 48: A. 连续 | B. 连声 | C. 连绵 | D. 一连 |
| Câu 49: A. 难过 | B. 着急 | C. 失望 | D. 得意 |
| Câu 50: A. 嘛 | B. 呢 | C. 了 | D. 吧 |

---Hết---

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thi:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 216

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau:

Câu 1: 报社指出, 对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 2: 由于他在数学上很有天分, 一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

Câu 3: 这家伙真不含糊, 一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 4: 他是个英俊的少年, 绰号叫“外国人”, 高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

Câu 5: 这时非常时期, 实在没办法, 您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 平常 C. 异常 D. 特殊

Câu 6: 元宵节前后, 大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 插 D. 摆

Câu 7: 我的孩子虽然才三岁, 却对听车站名很感兴趣, 我一路给他念着车名, 他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 很有兴趣 D. 十分欣赏

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次, 老师出了道数学难题, 叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤, 而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智, 我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”, 三下五除二就做好了。这时, 那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪, 将粉笔一扔, 大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了, 但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说: “看看, 急急忙忙, 马马虎虎, 这是做学问的严谨态度吗? 在能力相当的情况下, 做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话, 我心中并不以为然, 我看重的是结果, 而老师要的似乎还有过程。

多年后, 我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称, 我的对手们纷纷落马, 剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们, 他拿出一堆账本, 要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”, 但我不敢小视, 每个数字都牢牢把握, 认真在盘算上加加减减。约一个小时左右, 我完成任务了。10分钟后, 竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了! 为什么? 会计主管回答: “你没有作月末统计, 而他不但作了, 还作了季度统计。”我问: “不是要年度统计吗?”主管笑道: “是啊, 但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问, 但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当, 所以, 我们最后要看的就是个人的态度了。”

(李禄兴, 《HSK应试速练》, 北京语言大学出版社, 2007年)

Câu 8: 作者在解答老师出的数学题时:

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 9: 老师对作者的那番评价使他感到:

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 10: “落马”的意思是:

- A. 从马上掉下来 B. 考试出现失误 C. 在竞争中失败 D. 工作中被免职

Câu 11: 作者认为应聘单位的面试题怎么样?

- A. 难度大 B. 很容易 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 12: 作者写这两件事是为了说明:

- A. 态度与结果同样重要
- B. 自己很聪明但运气差
- C. 做事情结果正确就行
- D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 13: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil_____

- A. āng
- B. áng
- C. iāng
- D. iáng

Câu 14: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn_____.

- A. b
- B. p
- C. f
- D. m

Câu 15: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____.

- A. sīdē
- B. side
- C. shīdè
- D. shìde

Câu 16: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占
- B. 创
- C. 障
- D. 章

Câu 17: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运
- B. 充
- C. 允
- D. 崇

Câu 18: 采用液化石油气做汽车燃料, _____环境效益明显, _____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也……
- B. 既然……就……
- C. 不仅……而且……
- D. 假如……就……

Câu 19: 圣诞节的时候, 玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰
- B. 装置
- C. 安装
- D. 打扮

Câu 20: 我爸爸是_____地质的, 经常出差, 而且一走就是三四个月。

- A. 搞
- B. 工作
- C. 弄
- D. 做

Câu 21: 经过一年的_____训练, 服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格
- B. 严厉
- C. 厉害
- D. 庄严

Câu 22: 在会上, 学生们给老师们提了很多_____的建议。

- A. 珍贵
- B. 贵重
- C. 可贵
- D. 宝贵

Câu 23: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么
- B. 怎么样
- C. 为什么
- D. 怎样

Câu 24: 据统计, 我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家
- B. 所
- C. 座
- D. 户

Câu 25: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下, 不必特别去追求健康。

- A. 项
- B. 个
- C. 条
- D. 类

Câu 26: 天气预报也一定准, 咱把雨伞带_____, 省得挨淋。

- A. 了
- B. 着
- C. 好
- D. 吧

Câu 27: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节, 怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬, 减少感冒的发生_____?

- A. 吧
- B. 呢
- C. 嘛
- D. 吗

Câu 28: 晚上你要是实在睡不着, 就找个朋友_____。

- A. 聊聊天
- B. 聊聊天天
- C. 聊聊天
- D. 聊天天

Câu 29: 女人们说, 如果一个男人有钱了, 那么他的_____也就大了。

- A. 性格
- B. 脾气
- C. 个性
- D. 特性

Câu 30: 听见喊他的名字, 他_____紧张起来, 头上都冒汗了。

- A. 随时
- B. 一时
- C. 暂时
- D. 顿时

Câu 31: 面对无情的干旱, 有的农民修庙求雨, 而多数农民_____打井抗旱。

- A. 则
- B. 就
- C. 更
- D. 倒

Câu 32: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说
- B. 况且
- C. 而又
- D. 从而

Câu 33: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Câu 34: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量，他投资一个1000万元的房地产项目，一举获得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 35: 孩子太小_____需要照顾，可老人_____不能不管啊！

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 36: 小阮：谢谢你！

小陈：_____！

- A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 37: 生活A中的一些小事往往会在B你的心灵上C打D深深的烙印。 (下)

Câu 38: 他的A功课B太紧，只是C在店里D给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 39: 逢年过节，全家人聚到一起A，十几分钟后就B可以满满C摆上D。 (一桌子)

Câu 40: 表姐的生日快到了，我把上星期A那条B红色C丝绸D长裙当礼物送给她了。(刚买的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(41)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(42)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(43)_____尊重，不许骂人、打人；六、……

这是一个14岁的男孩交给自己父母的一个“平等(44)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(45)_____！然而，许多成年人却很容易(46)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(47)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(48)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(49)_____, 当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(50)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007年，有删改)

Câu 41: A. 进出 B. 进来 C. 进去 D. 进入

Câu 42: A. 随手 B. 随时 C. 随便 D. 顺便

Câu 43: A. 相对 B. 相同 C. 互相 D. 双方

Câu 44: A. 宣言 B. 宣告 C. 宣传 D. 宣布

Câu 45: A. 激烈 B. 强烈 C. 强大 D. 强调

Câu 46: A. 无所谓 B. 不注意 C. 轻视 D. 忽视

Câu 47: A. 全部 B. 所有 C. 一切 D. 整个

Câu 48: A. 优良 B. 优越 C. 优胜 D. 优秀

Câu 49: A. 相反 B. 相对 C. 反而 D. 反正

Câu 50: A. 对立 B. 对话 C. 待遇 D. 对待

HẾT

Chữ ký của giám thị số 1: Chữ ký của giám thị số 2:

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Mã đề: 217

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: Xí _____ uān.

- A. z B. g C. t D. h

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn_____.

- A. āo B. uǎng C. ēn D. ěng

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.

- A. shèntí B. shěnti C. shēntǐ D. shéntí

Câu 4: 上海是中国最大的_____市?

- A. 成 B. 城 C. 诚 D. 盛

Câu 5: 他们很欢迎我们来参_____晚会。

- A. 开 B. 觉 C. 架 D. 加

Câu 6: 在_____高的地方可以看到美丽的风景。

- A. 哪儿 B. 怎样 C. 这么 D. 别的

Câu 7: 这_____书是王兰送给我的。

- A. 本 B. 张 C. 把 D. 件

Câu 8: 我哥哥买了一_____自行车。

- A. 台 B. 辆 C. 碗 D. 杯

Câu 9: 我回来的时候, 妈妈在忙_____洗衣服。

- A. 过 B. 地 C. 得 D. 着

Câu 10: 昨天我给妈妈写_____一封信。

- A. 了 B. 过 C. 地 D. 吧

Câu 11: 明天早上到公司拿_____资料。

- A. 一点 B. 一下 C. 一会 D. 半天

Câu 12: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊天聊天 B. 聊聊天 C. 聊天一聊天 D. 聊聊天天

Câu 13: 我从来没想到, 有一天我_____会在 IBM 公司工作。

- A. 忽然 B. 突然 C. 居然 D. 毕竟

Câu 14: 他昨天说同意了, 今天_____改变了自己的主意。

- A. 又 B. 再 C. 才 D. 刚

Câu 15: 我已经忘记了是怎么和他认识_____, 他是怎么到北京的。

- A. 和 B. 还 C. 另外 D. 以及

Câu 16: 为了迎接篮球比赛, 留学生_____。

- A. 下午 4 点每天到操场进行训练 B. 到操场下午 4 点进行每天训练

- C. 到操场进行训练下午 4 点每天 D. 每天下午 4 点到操场进行训练

Câu 17: 在热闹的都市生活中, 工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。

- A. 繁忙 B. 频繁 C. 频频 D. 繁琐

Câu 18: 其实, 露水_____从天上降下来的, _____在地面上形成的。

- A. 不是……就是…… B. 不是……而是…… C. 不是……反而…… D. 要么……要么……

- Câu 19: _____人类社会存在，人权问题_____会受到人类的关注。
 A. 只有……才…… B. 即使……也…… C. 如果……就…… D. 只要……就……
- Câu 20: 越得不到的_____就越美，越有吸引力。
 A. 东西 B. 天气 C. 电视 D. 环境
- Câu 21: 他的数学成绩_____得很快。
 A. 提高 B. 帮助 C. 觉得 D. 参加
- Câu 22: 听说你有喜事，快说出来，让我们也_____。
 A. 生气 B. 高兴 C. 丰富 D. 漂亮
- Câu 23: 在你需要帮助的时候，_____为你做事的人，才是真正的朋友。
 A. 偷偷 B. 暗暗 C. 悄悄 D. 默默
- Câu 24: 小阮：你家的电话号码是_____？
 小刘：我家的电话号码是：02033886886。
 A. 几 B. 什么 C. 哪 D. 多少
- Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.*
- Câu 25: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)
 Câu 26: 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)
 Câu 27: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)
 Câu 28: 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。 (汉语)
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ in đậm trong các câu sau.*
- Câu 29: 那虽然是往事，但我还要提到。
 A. 来往的事 B. 常发生的事 C. 过去的事 D. 将来的事
- Câu 30: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。
 A. 足够 B. 非常 C. 正在 D. 已经
- Câu 31: 学习外语时要多说，说错了也没关系。
 A. 影响 B. 作用 C. 关联 D. 原因
- Câu 32: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。
 A. 一定 B. 全部 C. 一般 D. 应该
- Câu 33: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。
 A. 有风度 B. 有美感 C. 有金钱 D. 有积极态度
- Câu 34: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。
 A. 尤其 B. 格外 C. 专门 D. 照顾
- Câu 35: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。
 A. 好像 B. 明白 C. 清楚 D. 模糊
- Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) diễn vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 36 đến câu 45.*

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么

回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- | | | | |
|--------------|-------|-------|-------|
| Câu 36:A. 慢慢 | B. 纷纷 | C. 逐步 | D. 立刻 |
| Câu 37:A. 也 | B. 跟 | C. 还 | D. 比 |
| Câu 38:A. 意义 | B. 兴趣 | C. 丰富 | D. 生活 |
| Câu 39:A. 整理 | B. 以为 | C. 安排 | D. 完成 |
| Câu 40:A. 出来 | B. 上来 | C. 进来 | D. 起来 |
| Câu 41:A. 飘 | B. 沉 | C. 压 | D. 浮 |
| Câu 42:A. 终于 | B. 毕竟 | C. 究竟 | D. 最后 |
| Câu 43:A. 连续 | B. 连绵 | C. 一连 | D. 连声 |
| Câu 44:A. 难过 | B. 失望 | C. 得意 | D. 着急 |
| Câu 45:A. 呢 | B. 了 | C. 嘛 | D. 吧 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事情，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份40多版的日报，看5—10个精彩的广告短片，跑400多米，做20多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了目前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再又从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 46: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 阅读文章 B. 给朋友打电话 C. 看精彩的广告 D. 跑400多米

Câu 47: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 变成一只蚂蚁 C. 从容地做事情 D. 加重了急促感

Câu 48: 作者认为生活的意义在于：

- A. 生命的内涵有多丰富 B. 一生做了多少事情
C. 追求每一分钟的充实 D. 生活争得每一分钟

Câu 49: 男的捡到什么？

- A. 捡到了金币 B. 捡到了词典 C. 捡到了蚂蚁 D. 捡到了报纸

Câu 50: 这篇文章的观点是？

- A. 我们要抓紧时间提高效率 B. 让每一分钟过得充实、有意义
C. 不要忙碌而错过了一生的风景 D. 要争取时间捡金币、纽扣

---Hết---

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 218

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(1)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(2)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(3)_____尊重，不许骂人、打人；六、.....

这是一个 14 岁的男孩交给自己父母的一个“平等(4)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(5)_____！然而，许多成年人却很容易(6)_____青少年对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(7)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(8)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(9)_____，当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(10)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007 年，有删改)

- | | | | | |
|---------|--------|--------|-------|-------|
| Câu 1: | A. 进出 | B. 进来 | C. 进去 | D. 进入 |
| Câu 2: | A. 随便 | B. 随时 | C. 随手 | D. 顺便 |
| Câu 3: | A. 相对 | B. 相同 | C. 互相 | D. 双方 |
| Câu 4: | A. 宣言 | B. 宣告 | C. 宣传 | D. 宣布 |
| Câu 5: | A. 激烈 | B. 强调 | C. 强大 | D. 强烈 |
| Câu 6: | A. 无所谓 | B. 不注意 | C. 轻视 | D. 忽视 |
| Câu 7: | A. 全部 | B. 一切 | C. 所有 | D. 整个 |
| Câu 8: | A. 优良 | B. 优越 | C. 优胜 | D. 优秀 |
| Câu 9: | A. 相反 | B. 相对 | C. 反而 | D. 反正 |
| Câu 10: | A. 对立 | B. 对话 | C. 对待 | D. 待遇 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 11: 据统计，我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 12: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下，不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 13: 天气预报也一定准，咱把雨伞带_____，省得挨淋。

- A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧

Câu 14: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节，怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬，减少感冒的发生_____？

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗

Câu 15: 晚上你要是实在睡不着，就找个朋友_____。

- A. 聊聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天

Câu 16: 女人们说，如果一个男人有钱了，那么他的_____也就大了。

- A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性

Câu 17: 听见喊他的名字，他_____紧张起来，头上都冒汗了。

- A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时

Câu 18: 面对无情的干旱，有的农民修庙求雨，而多数农民 _____ 打井抗旱。

- A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒

Câu 19: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思 _____ 没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

Câu 20: _____ 是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Câu 21: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil _____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 22: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn _____.

- A. b B. p C. f D. m

Câu 23: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____.

- A. sīdē B. side C. shīdè D. shide

Câu 24: 我们的目的是要保 _____ 人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 章

Câu 25: 公司准备公开招聘以 _____ 实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

Câu 26: 你知道鳄鱼 _____ 经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样

Câu 27: _____ 多年从事建筑行业的经验和过人的胆量，他投资一个 1000 万元的房地产项目，一举获
得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 28: 孩子太小 _____ 需要照顾，可老人 _____ 不能不管啊!

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 29: 采用液化石油气做汽车燃料，_____ 环境效益明显，_____ 经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 30: 圣诞节的时候，玛丽买了一些 _____ 品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 31: 我爸爸是 _____ 地质的，经常出差，而且一走就是三四个月。

- A. 做 B. 工作 C. 弄 D. 搞

Câu 32: 经过一年的 _____ 训练，服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严

Câu 33: 在会上，学生们给老师们提了很多 _____ 的建议。

- A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重

Câu 34: 小阮：谢谢你！

小陈： _____ !

- A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次，老师出了道数学难题，叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤，而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智，我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”，三下五除二就做好了。这时，那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪，将粉笔一扔，大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了，但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我

写的字说：“看看，急急忙忙，马马虎虎，这是做学问的严谨态度吗？在能力相当的情况下，做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话，我心中并不以为然，我看重的是结果，而老师要的似乎还有过程。

多年后，我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称，我的对手们纷纷落马，剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们，他拿出一堆账本，要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”，但我不敢小视，每个数字都牢牢把握，认真在盘算上加加减减。约一个小时左右，我完成任务了。10分钟，竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了！为什么？会计主管回答：“你没有作月末统计，而他不但作了，还作了季度统计。”我问：“不是要年度统计吗？”主管笑道：“是啊，但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问，但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当，所以，我们最后要看的就是个人的态度了。”

（李禄兴，《HSK应试速练》，北京语言大学出版社，2007年）

Câu 35: 作者在解答老师出的数学题时：

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 36: 老师对作者的那番评价使他感到：

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 37: “落马”的意思是：

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 38: 作者认为应聘单位的面试题怎么样？

- A. 难度大 B. 很奇怪 C. 很容易 D. 数量多

Câu 39: 作者写这两件事是为了说明：

- A. 态度与结果同样重要 B. 自己很聪明但运气差
C. 做事情结果正确就行 D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 40: 他是个英俊的少年，绰号叫“外国人”，高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

Câu 41: 这时非常时期，实在没办法，您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 42: 这家伙真不含糊，一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 43: 我的孩子虽然才三岁，却对听车站名很感兴趣，我一路给他念着车名，他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有兴趣

Câu 44: 元宵节前后，大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 插 D. 摆

Câu 45: 报社指出，对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 46: 由于他在数学上很有天分，一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 47: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)

Câu 48: 他的 A 功课 B 太紧，只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 49: 表姐的生日快到了，我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。(刚买的)

Câu 50: 逢年过节，全家人聚到一起 A，十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

HẾT

Chữ kí của giám thị số 1: Chữ kí của giám thị số 2:

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 219

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ in đậm trong các câu sau.

Câu 1: 学习外语时要多说，说错了也没关系。

- A. 影响 B. 作用 C. 关联 D. 原因

Câu 2: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。

- A. 一定 B. 一般 C. 应该 D. 全部

Câu 3: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。

- A. 好像 B. 模糊 C. 明白 D. 清楚

Câu 4: 那虽然是往事，但我还要提到。

- A. 过去的事 B. 将来的事 C. 常发生的事 D. 来往的事

Câu 5: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。

- A. 有美感 B. 有风度 C. 有金钱 D. 有积极态度

Câu 6: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。

- A. 尤其 B. 照顾 C. 格外 D. 专门

Câu 7: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。

- A. 足够 B. 非常 C. 已经 D. 正在

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 8: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)

Câu 9: 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。 (汉语)

Câu 10: 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)

Câu 11: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 12: 越得不到的_____就越美，越有吸引力。

- A. 东西 B. 天气 C. 电视 D. 环境

Câu 13: 他的数学成绩_____得很快。

- A. 觉得 B. 提高 C. 帮助 D. 参加

Câu 14: 听说你有喜事，快说出来，让我们也_____。

- A. 生气 B. 高兴 C. 漂亮 D. 丰富

Câu 15: 在你需要帮助的时候，_____为你做事的人，才是真正的朋友。

- A. 暗暗 B. 悄悄 C. 偷偷 D. 默默

Câu 16: 小阮：你家的电话号码是_____？

小刘：我家的电话号码是：02033886886。

- A. 几 B. 哪 C. 多少 D. 什么

Câu 17: 上海是中国最大的_____市？

- A. 诚 B. 盛 C. 成 D. 城

Câu 18: 他们很欢迎我们来参_____晚会。

- A. 开 B. 加 C. 觉 D. 架

Câu 19: 在_____高的地方可以看到美丽的风景。

- A. 这么 B. 别的 C. 哪儿 D. 怎样

- Câu 20: 这_____书是王兰送给我的。
 A.本 B.件 C.张 D.把
- Câu 21: 我哥哥买了一_____自行车。
 A.辆 B.碗 C.台 D.杯
- Câu 22: 我回来的时候，妈妈在忙_____洗衣服。
 A.过 B.着 C.地 D.得
- Câu 23: 昨天我给妈妈写_____一封信。
 A.吧 B.了 C.过 D.地
- Câu 24: 明天早上到公司拿_____资料。
 A.一点 B.半天 C.一下 D.一会
- Câu 25: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。
 A.聊聊天 B.聊天聊天 C.聊天一聊天 D.聊聊天天
- Câu 26: 我从来没想到，有一天我_____会在IBM公司工作。
 A.居然 B.忽然 C.突然 D.毕竟
- Câu 27: 他昨天说同意了，今天_____改变了自己的主意。
 A.刚 B.又 C.再 D.才
- Câu 28: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí_____uān.
 A. z B. h C. g D. t
- Câu 29: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn_____.
 A. uāng B. ēn C. ěng D. ǎo
- Câu 30: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.
 A. shèntí B. shēntǐ C. shéntí D. shěnti
- Câu 31: 我已经忘记了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。
 A.还 B.和 C.另外 D.以及
- Câu 32: 为了迎接篮球比赛，留学生_____。
 A.下午4点每天到操场进行训练 B.每天下午4点到操场进行训练
 C.到操场进行训练下午4点每天 D.到操场下午4点进行每天训练
- Câu 33: 在热闹的都市生活中，工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。
 A.繁忙 B.繁琐 C.频繁 D.频频
- Câu 34: 其实，露水_____从天上降下来的，_____在地面上形成的。
 A.不是……就是…… B.不是……反而…… C.要么……要么…… D.不是……而是……
- Câu 35: _____人类社会存在，人权问题_____会受到人类的关注。
 A.只要……就…… B.只有……才…… C.即使……也…… D.如果……就……

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份40多版的日报，看5—10个精彩的广告短片，跑400多米，做20多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了目前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再又从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、

几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 36: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 给朋友打电话 B. 看精彩的广告 C. 阅读文章 D. 跑 400 多米

Câu 37: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 加重了急促感 C. 变成一只蚂蚁 D. 从容地做事情

Câu 38: 作者认为生活的意义在于：

- A. 追求每一分钟的充实
C. 生命的内涵有多丰富
- B. 生活争得每一分钟
D. 一生做了多少事情

Câu 39: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了报纸 D. 捡到了金币

Câu 40: 这篇文章的观点是？

- A. 我们要抓紧时间提高效率
C. 不要忙碌而错过了一生的风景
- B. 要争取时间捡金币、纽扣
D. 让每一分钟过得充实、有意义

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 41 đến câu 50.

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

Câu 41: A. 逐步 B. 立刻 C. 慢慢 D. 纷纷

Câu 42: A. 跟 B. 还 C. 也 D. 比

Câu 43: A. 兴趣 B. 丰富 C. 意义 D. 生活

Câu 44: A. 安排 B. 完成 C. 整理 D. 以为

Câu 45: A. 出来 B. 进来 C. 上来 D. 起来

Câu 46: A. 飘 B. 沉 C. 浮 D. 压

Câu 47: A. 毕竟 B. 究竟 C. 终于 D. 最后

Câu 48: A. 连续 B. 连声 C. 连绵 D. 一连

Câu 49: A. 得意 B. 着急 C. 难过 D. 失望

Câu 50: A. 嘛 B. 呢 C. 了 D. 吧

---Hết---

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

- Câu 1: 他的 A 功课 B 太紧, 只是 C 在店里 D 给父母帮忙。 (偶尔)
Câu 2: 表姐的生日快到了, 我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。 (刚买的)
Câu 3: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)
Câu 4: 逢年过节, 全家人聚到一起 A, 十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次，老师出了道数学难题，叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤，而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智，我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”，三下五除二就做好了。这时，那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪，将粉笔一扔，大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了，但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说：“看看，急急忙忙，马马虎虎，这是做学问的严谨态度吗？在能力相当的情况下，做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话，我心中并不以为然，我看重的是结果，而老师要的似乎还有过程。

多年后，我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称，我的对手们纷纷落马，剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们，他拿出一堆账本，要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”，但我不敢小视，每个数字都牢牢把握，认真在盘算上加加减减。约一个小时左右，我完成任务了。10分钟后，竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了！为什么？会计主管回答：“你没有作月末统计，而他不但作了，还作了季度统计。”我问：“不是要年度统计吗？”主管笑道：“是啊，但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问，但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当，所以，我们最后要看的就是个人的态度了。”

(李禄兴, 《HSK 应试速练》, 北京语言大学出版社, 2007 年)

Câu 5: 作者在解答老师出的数学题时：

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 6: 老师对作者的那番评价使他感到：

- A. 不服气 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 太紧张

Câu 7: “落马”的意思是：

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 8: 作者认为应聘单位的面试题怎么样？

- A. 难度大 B. 很容易 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 9: 作者写这两件事是为了说明：

- A. 做事情结果正确就行
C. 态度与结果同样重要
B. 自己很聪明但运气差
D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 10: 他是个英俊的少年, 绰号叫“外国人”, 高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 名字 D. 外号

Câu 11: 这时非常时期, 实在没办法, 您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 12: 元宵节前后，大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 捆 D. 摆

Câu 13: 报社指出，对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 14: 由于他在数学上很有天分，一度曾被学校列为培养对象。

- A. 经常 B. 有时候 C. 有一阵 D. 有一年

Câu 15: 这家伙真不含糊，一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 16: 我的孩子虽然才三岁，却对听车站名很感兴趣，我一路给他念着车名，他听得津津有味。

- A. 很有兴趣 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有味道

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(17)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(18)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(19)_____尊重，不许骂人、打人；六、……

这是一个 14 岁的男孩交给自己父母的一个“平等(20)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(21)_____！然而，许多成年人却很容易(22)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(23)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(24)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(25)_____, 当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(26)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007 年，有删改)

Câu 17: A. 进出 B. 进来 C. 进去 D. 进入

Câu 18: A. 随手 B. 随时 C. 随便 D. 顺便

Câu 19: A. 相对 B. 相同 C. 互相 D. 双方

Câu 20: A. 宣言 B. 宣告 C. 宣传 D. 宣布

Câu 21: A. 激烈 B. 强烈 C. 强大 D. 强调

Câu 22: A. 无所谓 B. 不注意 C. 轻视 D. 忽视

Câu 23: A. 全部 B. 一切 C. 所有 D. 整个

Câu 24: A. 优良 B. 优越 C. 优胜 D. 优秀

Câu 25: A. 相反 B. 相对 C. 反而 D. 反正

Câu 26: A. 对立 B. 对话 C. 对待 D. 待遇

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 27: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gail _____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 28: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn _____.

- A. b B. p C. f D. m

Câu 29: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____.

- A. sīdē B. sīde C. shīdè D. shīde

Câu 30: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 章

Câu 31: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

Câu 32: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样

Câu 33: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Câu 34: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量，他投资一个1000万元的房地产项目，一举获得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 35: 孩子太小_____需要照顾，可老人_____不能不管啊！

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 36: 采用液化石油气做汽车燃料，_____环境效益明显，_____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 37: 圣诞节的时候，玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 38: 我爸爸是_____地质的，经常出差，而且一走就是三四个月。

- A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做

Câu 39: 经过一年的_____训练，服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严

Câu 40: 在会上，学生们给老师们提了很多_____的建议。

- A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重

Câu 41: 小阮：谢谢你！

- 小陈：_____！
A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Câu 42: 据统计，我国各级各类学校已有157万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 43: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下，不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 44: 天气预报也一定准，咱把雨伞带_____，省得挨淋。

- A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧

Câu 45: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节，怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬，减少感冒的发生_____？

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗

Câu 46: 晚上你要是实在睡不着，就找个朋友_____。

- A. 聊聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天

Câu 47: 女人们说，如果一个男人有钱了，那么他的_____也就大了。

- A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性

Câu 48: 听见喊他的名字，他_____紧张起来，头上都冒汗了。

- A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时

Câu 49: 面对无情的干旱，有的农民修庙求雨，而多数农民_____打井抗旱。

- A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒

Câu 50: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

-----HẾT-----

Chữ kí của giám thị số 1: Chữ kí của giám thị số 2:

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề: 221

Số báo danh:.....

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 1: 老师 A 要求非常 B 严格, 所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)

Câu 2: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)

Câu 3: 为了 A 更好地了解 B 中国文化, 他 C 开始学习 D。 (汉语)

Câu 4: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 5: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊天聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天—聊天

Câu 6: 上海是中国最大的____市?

- A. 诚 B. 成 C. 城 D. 盛

Câu 7: 他们很欢迎我们来参____晚会。

- A. 开 B. 架 C. 加 D. 觉

Câu 8: 其实, 露水____从天上降下来的, ____在地面上形成的。

- A. 不是……而是…… B. 不是……反而…… C. 不是……就是…… D. 要么……要么……

Câu 9: ____人类社会存在, 人权问题____会受到人类的关注。

- A. 只有……才…… B. 如果……就…… C. 只要……就…… D. 即使……也……

Câu 10: 在____高的地方可以看到美丽的风景。

- A. 怎样 B. 这么 C. 哪儿 D. 别的

Câu 11: 这____书是王兰送给我的。

- A. 本 B. 件 C. 张 D. 把

Câu 12: 我哥哥买了一____自行车。

- A. 台 B. 碗 C. 杯 D. 辆

Câu 13: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí_____uān.

- A. z B. h C. g D. t

Câu 14: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn_____.

- A. ěn B. ǎo C. uǎng D. ěng

Câu 15: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.

- A. shèntí B. shēntǐ C. shéntí D. shěntí

Câu 16: 小阮: 你家的电话号码是_____?

小刘: 我家的电话号码是: 02033886886.

- A. 几 B. 多少 C. 什么 D. 哪

Câu 17: 我回来的时候, 妈妈在忙____洗衣服。

- A. 着 B. 过 C. 地 D. 得

Câu 18: 明天早上到公司拿____资料。

- A. 一点 B. 一下 C. 半天 D. 一会

Câu 19: 我从来没想到, 有一天我_____会在 IBM 公司工作。

- A. 忽然 B. 居然 C. 毕竟 D. 突然

Câu 20: 昨天我给妈妈写____一封信。

- A. 了 B. 地 C. 吧 D. 过

Câu 21: 他昨天说同意了，今天_____改变了自己的主意。

- A. 又 B. 才 C. 再 D. 刚

Câu 22: 越得不到的_____就越美，越有吸引力。

- A. 天气 B. 东西 C. 电视 D. 环境

Câu 23: 他的数学成绩_____得很快。

- A. 帮助 B. 提高 C. 参加 D. 觉得

Câu 24: 我已经忘记了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。

- A. 和 B. 以及 C. 还 D. 另外

Câu 25: 在你需要帮助的时候，_____为你做事的人，才是真正的朋友。

- A. 默默 B. 偷偷 C. 暗暗 D. 悄悄

Câu 26: 为了迎接篮球比赛，留学生_____。

- A. 到操场下午4点进行每天训练 B. 下午4点每天到操场进行训练
C. 到操场进行训练下午4点每天 D. 每天下午4点到操场进行训练

Câu 27: 在热闹的都市生活中，工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。

- A. 繁忙 B. 频频 C. 频繁 D. 繁琐

Câu 28: 听说你有喜事，快说出来，让我们也_____。

- A. 高兴 B. 丰富 C. 漂亮 D. 生气

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ in đậm trong các câu sau.

Câu 29: 学习外语时要多说，说错了也没关系。

- A. 关联 B. 原因 C. 影响 D. 作用

Câu 30: 那虽然是往事，但我还要提到。

- A. 常发生的事 B. 过去的事 C. 将来的事 D. 来往的事

Câu 31: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。

- A. 一定 B. 应该 C. 全部 D. 一般

Câu 32: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。

- A. 有美感 B. 有风度 C. 有金钱 D. 有积极态度

Câu 33: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。

- A. 非常 B. 足够 C. 正在 D. 已经

Câu 34: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。

- A. 好像 B. 清楚 C. 明白 D. 模糊

Câu 35: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。

- A. 尤其 B. 照顾 C. 格外 D. 专门

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 36 đến câu 45.

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么

回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- | | | | |
|---------------|-------|-------|-------|
| Câu 36: A. 慢慢 | B. 立刻 | C. 纷纷 | D. 逐步 |
| Câu 37: A. 也 | B. 还 | C. 比 | D. 跟 |
| Câu 38: A. 兴趣 | B. 意义 | C. 丰富 | D. 生活 |
| Câu 39: A. 整理 | B. 安排 | C. 完成 | D. 以为 |
| Câu 40: A. 上来 | B. 进来 | C. 起来 | D. 出来 |
| Câu 41: A. 飘 | B. 压 | C. 沉 | D. 浮 |
| Câu 42: A. 终于 | B. 最后 | C. 毕竟 | D. 究竟 |
| Câu 43: A. 连续 | B. 连绵 | C. 连声 | D. 一连 |
| Câu 44: A. 难过 | B. 失望 | C. 着急 | D. 得意 |
| Câu 45: A. 了 | B. 嘛 | C. 吧 | D. 呢 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

一位管理专家对听众提出一个问题：一分钟我们能做多少事？答案自然是一分钟能做很多事，比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章，可以浏览一份40多版的日报，看5—10个精彩的广告短片，跑400多米，做20多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟，自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案，实际上掩盖了目前急于利益的心态，会让大家产生一种急促感，像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去，一心想着尽可能地多做些事情，却不再又从容的心态去做事情，尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义，并不在于争得每一分钟，而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求，而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生，实在是得不偿失的事情。曾经有一个人，因为偶然在地上捡到了一枚金币，从此每天都低头寻找，一辈子过去了，他捡到了几千枚金币、几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 46: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 阅读文章 B. 跑400多米 C. 给朋友打电话 D. 看精彩的广告

Câu 47: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 加重了急促感 B. 提高工作效率 C. 变成一只蚂蚁 D. 从容地做事情

Câu 48: 作者认为生活的意义在于：

- A. 生命的内涵有多丰富 B. 一生做了多少事情
C. 生活争得每一分钟 D. 追求每一分钟的充实

Câu 49: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了报纸 D. 捡到了金币

Câu 50: 这篇文章的观点是？

- A. 让每一分钟过得充实、有意义 B. 我们要抓紧时间提高效率
C. 不要忙碌而错过了一生的风景 D. 要争取时间捡金币、纽扣

--Hết--

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:.....

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 222

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次，老师出了道数学难题，叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤，而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智，我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”，三下五除二就做好了。这时，那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪，将粉笔一扔，大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了，但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说：“看看，急急忙忙，马马虎虎，这是做学问的严谨态度吗？在能力相当的情况下，做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话，我心中并不以为然，我看重的是结果，而老师要的似乎还有过程。

多年后，我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称，我的对手们纷纷落马，剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们，他拿出一堆账本，要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”，但我不敢小视，每个数字都牢牢把握，认真在盘算上加加减减。约一个小时左右，我完成任务了。10分钟，竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了！为什么？会计主管回答：“你没有作月末统计，而他不但作了，还作了季度统计。”我问：“不是要年度统计吗？”主管笑道：“是啊，但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问，但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当，所以，我们最后要看的就是个人的态度了。”

（李禄兴，《HSK应试速练》，北京语言大学出版社，2007年）

Câu 1: 作者在解答老师出的数学题时：

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 不够稳重 D. 又快又好

Câu 2: 老师对作者的那番评价使他感到：

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 3: “落马”的意思是：

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 4: 作者认为应聘单位的面试题怎么样？

- A. 很容易 B. 难度大 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 5: 作者写这两件事是为了说明：

- A. 态度与结果同样重要 B. 自己很聪明但运气差
C. 做事情结果正确就行 D. 做事认真要从小培养

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 6: 据统计，我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 7: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下，不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 8: 采用液化石油气做汽车燃料，_____环境效益明显，_____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 9: 圣诞节的时候，玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 10: 我爸爸是_____地质的，经常出差，而且一走就是三四个月。

- A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做

- Câu 11: 经过一年的_____训练，服务员们都能够高水平地为顾客服务了。
 A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严
- Câu 12: 天气预报也一定准，咱把雨伞带_____，省得挨淋。
 A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧
- Câu 13: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节，怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬，减少感冒的发生_____？
 A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗
- Câu 14: 晚上你要是实在睡不着，就找个朋友_____。
 A. 聊天聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天
- Câu 15: 女人们说，如果一个男人有钱了，那么他的_____也就大了。
 A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性
- Câu 16: 听见喊他的名字，他_____紧张起来，头上都冒汗了。
 A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时
- Câu 17: 面对无情的干旱，有的农民修庙求雨，而多数农民_____打井抗旱。
 A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒
- Câu 18: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gǎil_____
 A. āng B. áng C. iāng D. iáng
- Câu 19: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn_____.
 A. b B. p C. f D. m
- Câu 20: Phiên âm đúng của từ 似的 là:_____.
 A. sīdē B. side C. shīdè D. shìde
- Câu 21: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。
 A. 占 B. 创 C. 障 D. 檣
- Câu 22: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。
 A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇
- Câu 23: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗？
 A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样
- Câu 24: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。
 A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而
- Câu 25: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。
 A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
 C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风
- Câu 26: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量，他投资一个1000万元的房地产项目，一举获得成功。
 A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于
- Câu 27: 孩子太小_____需要照顾，可老人_____不能不管啊！
 A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
 C. 固然……也…… D. 不但……还……
- Câu 28: 在会上，学生们给老师们提了很多_____的建议。
 A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重
- Câu 29: 小阮：谢谢你！
 小陈：_____！
 A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外，自己安排活动；二、我在家时，(30)_____我的房间必须先敲门；三、未经允许，不许(31)_____动我的东西；四、我外出时，不必告诉去哪里，只需告诉何时回来；五、必须(32)_____尊重，不许骂人、打人；六、……

这是一个 14 岁的男孩交给自己父母的一个“平等(33)_____”，从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(34)_____！然而，许多成年人却很容易(35)_____青少年的对尊重的要求，他们总是想，既然自己是父母，是老师，就有权利支配孩子的(36)_____。他们甚至往往不惜损害孩子的自尊，以成年人的(37)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为，一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(38)_____, 当人缺乏自尊时，就会感到悲观、失望，容易导致心理疾病。因此，成年人在高喊“人人平等”时，不要忘记未成年人也需要平等(39)_____。

(倪明亮，《中国汉语水平考试应试指南》，北京语言大学出版社，2007年，有删改)

- | | | | |
|----------------|--------|-------|-------|
| Câu 30: A. 进入 | B. 进来 | C. 进去 | D. 进出 |
| Câu 31: A. 随手 | B. 随时 | C. 随便 | D. 顺便 |
| Câu 32: A. 相对 | B. 相同 | C. 双方 | D. 互相 |
| Câu 33: A. 宣言 | B. 宣告 | C. 宣传 | D. 宣布 |
| Câu 34: A. 激烈 | B. 强烈 | C. 强大 | D. 强调 |
| Câu 35: A. 无所谓 | B. 不注意 | C. 轻视 | D. 忽视 |
| Câu 36: A. 全部 | B. 一切 | C. 所有 | D. 整个 |
| Câu 37: A. 优良 | B. 优胜 | C. 优越 | D. 优秀 |
| Câu 38: A. 相反 | B. 相对 | C. 反而 | D. 反正 |
| Câu 39: A. 对立 | B. 对话 | C. 对待 | D. 待遇 |

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 40: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)

Câu 41: 表姐的生日快到了，我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。(刚买的)

Câu 42: 他的 A 功课 B 太紧，只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 43: 逢年过节，全家人聚到一起 A，十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 44: 报社指出，对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 中间 | B. 选择 | C. 中奖 | D. 评上 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 45: 由于他在数学上很有天分，一度曾被学校列为培养对象。

- | | | | |
|--------|--------|-------|--------|
| A. 有一阵 | B. 有时候 | C. 经常 | D. 有一年 |
|--------|--------|-------|--------|

Câu 46: 这家伙真不含糊，一口气游了两千多米。

- | | | | |
|--------|--------|--------|--------|
| A. 不简单 | B. 不容易 | C. 不糊涂 | D. 不认真 |
|--------|--------|--------|--------|

Câu 47: 他是个英俊的少年，绰号叫“外国人”，高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 姓名 | B. 名号 | C. 外号 | D. 名字 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 48: 这时非常时期，实在没办法，您就凑合点儿用吧。

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 重要 | B. 特殊 | C. 异常 | D. 平常 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 49: 元宵节前后，大街两旁的树上挂满了彩灯。

- | | | | |
|------|------|------|------|
| A. 装 | B. 吊 | C. 插 | D. 摆 |
|------|------|------|------|

Câu 50: 我的孩子虽然才三岁，却对听车站名很感兴趣，我一路给他念着车名，他听得津津有味。

- | | | | |
|---------|--------|---------|---------|
| A. 很有味道 | B. 很高兴 | C. 十分欣赏 | D. 很有兴趣 |
|---------|--------|---------|---------|

-----HẾT-----

Chữ kí của giám thị số 1:..... Chữ kí của giám thị số 2:.....

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề: 223

Số báo danh:.....

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ in đậm trong các câu sau.

Câu 1: 对于改进工作的建议，我们一概赞同。

- A.一般 B.应该 C.一定 D.全部

Câu 2: 因为你是奥运冠军，厂家才特意给你制造了这支金枪。

- A.尤其 B.专门 C.照顾 D.格外

Câu 3: 那虽然是往事，但我还要提到。

- A.过去的事 B.来往的事 C.将来的事 D.常发生的事

Câu 4: 他们就够忙了，别再给他们加任务了。

- A.非常 B.正在 C.足够 D.已经

Câu 5: 你穿得这么整齐，显得很精神，我差点儿认不出来你。

- A.有金钱 B.有风度 C.有积极态度 D.有美感

Câu 6: 山里的雾太大，我隐约看见有个人向我跑来，好像还喊了句什么。

- A.清楚 B.好像 C.明白 D.模糊

Câu 7: 学习外语时要多说，说错了也没关系。

- A.关联 B.影响 C.作用 D.原因

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 8: 为了 A 更好地了解 B 中国文化，他 C 开始学习 D。 (汉语)

Câu 9: 老师 A 要求非常 B 严格，所以 C 我们要 D 更加努力。 (对我们)

Câu 10: 对这件事我们 A 比三年 B 前 C 明白 D 了。 (多)

Câu 11: A 迷人的风景 B 总是给人 C 一种 D 享受。 (美好的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 12: 昨天我给妈妈写_____一封信。

- A.了 B.吧 C.过 D.地

Câu 13: 上海是中国最大的_____市?

- A.成 B.诚 C.城 D.盛

Câu 14: 他的数学成绩_____得很快。

- A.帮助 B.觉得 C.提高 D.参加

Câu 15: 他们很欢迎我们来参_____晚会。

- A.架 B.开 C.觉 D.加

Câu 16: 在_____高的地方可以看到美丽的风景。

- A.哪儿 B.这么 C.怎样 D.别的

Câu 17: 越得不到的_____就越美，越有吸引力。

- A.电视 B.东西 C.天气 D.环境

Câu 18: 这_____书是王兰送给我的。

- A.本 B.把 C.张 D.件

Câu 19: 我哥哥买了一_____自行车。

- A.台 B.杯 C.辆 D.碗

Câu 20: 我回来的时候，妈妈在忙_____洗衣服。

- A.地 B.得 C.过 D.着

Câu 21: 明天早上到公司拿_____资料。

- A. 一点 B. 一会 C. 半天 D. 一下

Câu 22: 他退休以后常常喜欢和别人_____, 所以我常常来他家玩。

- A. 聊聊天 B. 聊天聊天 C. 聊天一聊天 D. 聊聊天天

Câu 23: 其实, 露水_____从天上降下来的, _____在地面上形成的。

- A. 不是……就是…… B. 不是……反而……
C. 要么……要么…… D. 不是……而是……

Câu 24: _____人类社会存在, 人权问题_____会受到人类的关注。

- A. 只有……才…… B. 如果……就…… C. 只要……就…… D. 即使……也……

Câu 25: 我从来没想到, 有一天我_____会在 IBM 公司工作。

- A. 居然 B. 忽然 C. 突然 D. 毕竟

Câu 26: 他昨天说同意了, 今天_____改变了自己的主意。

- A. 才 B. 又 C. 再 D. 刚

Câu 27: 小阮: 你家的电话号码是_____?

小刘: 我家的电话号码是: 02033886886.

- A. 多少 B. 几 C. 什么 D. 哪

Câu 28: 我已经忘记了是怎么和他认识_____他是怎么到北京的。

- A. 和 B. 另外 C. 以及 D. 还

Câu 29: 为了迎接篮球比赛, 留学生_____。

- A. 到操场进行训练下午 4 点每天 B. 每天下午 4 点到操场进行训练
C. 到操场下午 4 点进行每天训练 D. 下午 4 点每天到操场进行训练

Câu 30: 在你需要帮助的时候, _____为你做事的人, 才是真正的朋友。

- A. 悄悄 B. 默默 C. 偷偷 D. 暗暗

Câu 31: 在热闹的都市生活中, 工作中的应酬越来越_____, 身体状况却令人担忧。

- A. 繁忙 B. 频频 C. 频繁 D. 繁琐

Câu 32: 听说你有喜事, 快说出来, 让我们也_____。

- A. 生气 B. 丰富 C. 漂亮 D. 高兴

Câu 33: Phiên âm đúng của từ 习惯 là: xí_____uān.

- A. z B. t C. h D. g

Câu 34: Phiên âm đúng của từ 电脑 là: diànn_____.

- A. ǎo B. ěn C. ěng D. uǎng

Câu 35: Phiên âm đúng của từ 身体 là: _____.

- A. shèntí B. shéntí C. shéntí D. shěnti

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.

一位管理专家对听众提出一个问题: 一分钟我们能做多少事? 答案自然是一分钟能做很多事, 比如一分钟可以阅读一篇五六百字的文章, 可以浏览一份 40 多版的日报, 看 5—10 个精彩的广告短片, 跑 400 多米, 做 20 多个等等。鼓励人们在一分钟内做更多的事情或者节约每一分钟, 自然是件好事。但这一表面上看似积极的问题和答案, 实际上掩盖了目前急于利益的心态, 会让大家产生一种急促感, 像蚂蚁一样匆匆忙忙地跑来跑去, 一心想着尽可能地多做些事情, 却不再又从容的心态去做事情, 尤其是不再去思考什么才是真正重要的事情。

一个人一辈子如何活得更有意义, 并不在于争得每一分钟, 而在于生命作为一个整体内涵有多丰富。内涵的丰富来自于对生命的完整意义的追求, 而不是每一分钟能做多少事情的匆忙。如果因为追求每一分钟的充实而迷失了一生, 实在是得不偿失的事情。曾经有一个人, 因为偶然在地上捡到了一枚金币, 从此每天都低头寻找, 一辈子过去了, 他捡到了几千枚金币、

几万颗钉子，还有数不清的纽扣，这些东西加起来也不值几个钱。等到他老去的时候，背驼了，眼花了，想直起腰来看一看远方的风景都不可能了。很多人对待时间也像这个人一样，争取了每一分钟的忙碌，却错过了一生的风景。

Câu 36: 下面哪一项不是文中提到的一分钟能做的事情：

- A. 给朋友打电话 B. 阅读文章 C. 看精彩的广告 D. 跑 400 多米

Câu 37: 鼓励人们尽可能利用每一分钟多做事情，会产生的负面影响是：

- A. 提高工作效率 B. 从容地做事情 C. 变成一只蚂蚁 D. 加重了急促感

Câu 38: 作者认为生活的意义在于：

- A. 追求每一分钟的充实
C. 生命的内涵有多丰富
B. 生活争得每一分钟
D. 一生做了多少事情

Câu 39: 男的捡到什么？

- A. 捡到了词典 B. 捡到了蚂蚁 C. 捡到了金币 D. 捡到了报纸

Câu 40: 这篇文章的观点是？

- A. 要争取时间捡金币、纽扣
C. 让每一分钟过得充实、有意义
B. 不要忙碌而错过了一生的风景
D. 我们要抓紧时间提高效率

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 41 đến câu 50.

曹操得到一只大象，很想知道这只大象到底有多少重。官员们都纷纷议论，发表自己的意见。有人说，制造一个巨大的秤来秤。可是怎样才能造出比大象还大的秤呢？有人说，把它砍成小块儿，然后再秤。可是把大象杀了，知道重量又有什么意义呢？大家想了很多办法，可是都行不通。

就在这时，曹操的小儿子曹冲对父亲说：“爸爸，我有个办法可以秤大象！”然后他就把办法告诉了曹操，曹操一听，连连叫好，立刻安排人准备秤象，并且让大家都过去观看。

大家来到河边，看见河里停着一只大船。曹冲叫人把象牵到船上，等船身稳定，他就在弦与水面齐平的地方，画了一条线。然后，曹冲再叫人把象牵到岸上来。之后，他让人把大大小小的石头，一块儿一块儿地往船上装，船身就一点儿一点儿往下沉，等船上的那条线和水面再次平齐的时候，曹冲就叫人停止装石头。官员们都睁大了眼睛，这才终于弄清了是怎么回事。他们连声称赞：“好办法！好办法！”这时候，谁都明白，只要把船里的石头都秤一下，把重量加起来，就知道这头大象有多重了。曹操得意地望着众人，心里想，你们还不如我的这个小儿子聪明呢！

- Câu 41: A. 纷纷 B. 慢慢 C. 逐步 D. 立刻
Câu 42: A. 还 B. 比 C. 也 D. 跟
Câu 43: A. 意义 B. 丰富 C. 兴趣 D. 生活
Câu 44: A. 整理 B. 以为 C. 完成 D. 安排
Câu 45: A. 出来 B. 起来 C. 上来 D. 进来
Câu 46: A. 沉 B. 压 C. 飘 D. 浮
Câu 47: A. 毕竟 B. 究竟 C. 终于 D. 最后
Câu 48: A. 连续 B. 连声 C. 连绵 D. 一连
Câu 49: A. 难过 B. 着急 C. 失望 D. 得意
Câu 50: A. 嘛 B. 呢 C. 了 D. 吧

---Hết---

- Học sinh không sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử khi làm bài.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Chữ ký của giám thị:

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề 224

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau

Câu 1: 我们的目的是要保_____人民的身体健康。

- A. 占 B. 创 C. 障 D. 碧

Câu 2: 公司准备公开招聘以_____实销售部门。

- A. 运 B. 充 C. 允 D. 崇

Câu 3: 你知道鳄鱼_____经常张开嘴巴“微笑”着晒太阳吗?

- A. 怎么 B. 怎么样 C. 为什么 D. 怎样

Câu 4: 据统计, 我国各级各类学校已有 157 万_____。

- A. 家 B. 所 C. 座 D. 户

Câu 5: 我认为在身体各_____功能都正常的情况下, 不必特别去追求健康。

- A. 项 B. 个 C. 条 D. 类

Câu 6: Phiên âm đúng của từ 改良 là: gāil_____

- A. āng B. áng C. iāng D. iáng

Câu 7: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: jiǎn_____.

- A. b B. p C. f D. m

Câu 8: Phiên âm đúng của từ 似的 là: _____.

- A. sīdē B. side C. shīdè D. shide

Câu 9: 天气预报也一定准, 咱把雨伞带_____, 省得挨淋。

- A. 了 B. 着 C. 好 D. 吧

Câu 10: 冬季是婴幼儿感冒高发的季节, 怎样让您的宝宝身强体壮度寒冬, 减少感冒的发生_____?

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 吗

Câu 11: 晚上你要是实在睡不着, 就找个朋友_____。

- A. 聊天聊天 B. 聊聊天天 C. 聊聊天 D. 聊天天

Câu 12: _____多年从事建筑行业的经验和过人的胆量, 他投资一个 1000 万元的房地产项目, 一举获得成功。

- A. 靠 B. 按照 C. 根据 D. 由于

Câu 13: 孩子太小_____需要照顾, 可老人_____不能不管啊!

- A. 虽然……但是…… B. 除了……还……
C. 固然……也…… D. 不但……还……

Câu 14: 采用液化石油气做汽车燃料, _____环境效益明显, _____经济效益也不错。

- A. 哪怕……也…… B. 既然……就……
C. 不仅……而且…… D. 假如……就……

Câu 15: 圣诞节的时候, 玛丽买了一些_____品送给我。

- A. 装饰 B. 装置 C. 安装 D. 打扮

Câu 16: 我爸爸是_____地质的, 经常出差, 而且一走就是三四个月。

- A. 搞 B. 工作 C. 弄 D. 做

Câu 17: 经过一年的_____训练, 服务员们都能够高水平地为顾客服务了。

- A. 严格 B. 严厉 C. 厉害 D. 庄严

Câu 18: 在会上, 学生们给老师们提了很多_____的建议。

- A. 珍贵 B. 宝贵 C. 可贵 D. 贵重

Câu 19: 小阮: 谢谢你!

小陈: _____!

- A. 再见 B. 没关系 C. 不客气 D. 好的

Câu 20: 女人们说, 如果一个男人有钱了, 那么他的_____也就大了。

- A. 性格 B. 脾气 C. 个性 D. 特性

Câu 21: 听见喊他的名字, 他_____紧张起来, 头上都冒汗了。

- A. 随时 B. 顿时 C. 暂时 D. 一时

Câu 22: 面对无情的干旱, 有的农民修庙求雨, 而多数农民_____打井抗旱。

- A. 则 B. 就 C. 更 D. 倒

Câu 23: 我想趁“五一”放假时去一个又有意思_____没去过的地方玩玩儿。

- A. 再说 B. 况且 C. 而又 D. 从而

Câu 24: _____是预防呼吸道传染病的重要措施之一。

- A. 经常开窗通风保持室内空气流通和新鲜 B. 保持室内空气流通和新鲜经常开窗通风
C. 开窗通风室内空气流通和新鲜经常保持 D. 经常保持室内空气流通和新鲜开窗通风

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống

一、除学习时间外, 自己安排活动; 二、我在家时, (25)_____我的房间必须先敲门; 三、未经允许, 不许(26)_____动我的东西; 四、我外出时, 不必告诉去哪里, 只需告诉何时回来; 五、必须(27)_____尊重, 不许骂人、打人; 六、……

这是一个 14 岁的男孩交给自己父母的一个“平等(28)_____”, 从中我们可以感受到一个孩子希望得到父母尊重的愿望是多么(29)_____! 然而, 许多成年人却很容易(30)_____青少年的对尊重的要求, 他们总是想, 既然自己是父母, 是老师, 就有权利支配孩子的(31)_____. 他们甚至往往不惜损害孩子的自尊, 以成年人的(32)_____地位来迫使孩子服从自己的意志。

心理学家认为, 一个具有足够自尊的人总是更有信心、更有能力的。(33)_____, 当人缺乏自尊时, 就会感到悲观、失望, 容易导致心理疾病。因此, 成年人在高喊“人人平等”时, 不要忘记未成年人也需要平等(34)_____。

(倪明亮, 《中国汉语水平考试应试指南》, 北京语言大学出版社, 2007 年, 有删改)

Câu 25: A. 进出 B. 进来 C. 进去 D. 进入

Câu 26: A. 随手 B. 随时 C. 随便 D. 顺便

Câu 27: A. 相对 B. 相同 C. 互相 D. 双方

Câu 28: A. 宣言 B. 宣告 C. 宣传 D. 宣布

Câu 29: A. 激烈 B. 强烈 C. 强大 D. 强调

Câu 30: A. 无所谓 B. 不注意 C. 轻视 D. 忽视

Câu 31: A. 全部 B. 一切 C. 所有 D. 整个

Câu 32: A. 优良 B. 优越 C. 优胜 D. 优秀

Câu 33: A. 相反 B. 相对 C. 反而 D. 反正

Câu 34: A. 对立 B. 对话 C. 对待 D. 待遇

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau :

Câu 35: 他是个英俊的少年, 缊号叫“外国人”, 高高的个子、白皙的脸、挺拔的鼻子。

- A. 姓名 B. 名号 C. 外号 D. 名字

Câu 36: 这时非常时期, 实在没办法, 您就凑合点儿用吧。

- A. 重要 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 37: 元宵节前后, 大街两旁的树上挂满了彩灯。

- A. 装 B. 吊 C. 揣 D. 摆

Câu 38: 报社指出, 对于在此评选中中选的图书的作者将给予适当的奖励。

- A. 中间 B. 选择 C. 中奖 D. 评上

Câu 39: 由于他在数学上很有天分, 一度曾被学校列为培养对象。

- A. 有一阵 B. 有时候 C. 经常 D. 有一年

Câu 40: 这家伙真不含糊, 一口气游了两千多米。

- A. 不简单 B. 不容易 C. 不糊涂 D. 不认真

Câu 41: 我的孩子虽然才三岁, 却对听车站名很感兴趣, 我一路给他念着车名, 他听得津津有味。

- A. 很有味道 B. 很高兴 C. 十分欣赏 D. 很有兴趣

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc

读书时代的一件事我印象很深。有一次, 老师出了道数学难题, 叫我和一名同学上讲台解答。我很快考虑好解答步骤, 而那名同学还在那里凝神思考。为了表现一下聪明才智, 我很得意地用粉笔在黑板上“刷刷刷”, 三下五除二就做好了。这时, 那名同学还在一笔一画地写着。我很自豪, 将粉笔一扔, 大摇大摆地回到座位。我和那位同学都答对了, 但老师给的评语却大不相同。她指着黑板上我写的字说: “看看, 急急忙忙, 马马虎虎, 这是做学问的严谨态度吗? 在能力相当的情况下, 做学问其实就靠一个人的态度了……”说实话, 我心中并不以为然, 我看重的是结果, 而老师要的似乎还有过程。

多年后, 我去应聘一个会计职位。由于有相关工作经历和较高的职称, 我的对手们纷纷落马, 剩下一个相貌普通的家伙与我一同参加最后的面试。单位的会计主管接待了我们, 他拿出一堆账本, 要我们统计一下某个项目的年度收支情况。虽然只是“小儿科”, 但我不敢小视, 每个数字都牢牢把握, 认真在盘算上加加减减。约一个小时左右, 我完成任务了。10分钟, 竞争对手也收工了。会计主管拿着我们的“试卷”去老总办公室。

结果令我大跌眼镜——我竟然落聘了! 为什么? 会计主管回答: “你没有作月末统计, 而他不但作了, 还作了季度统计。”我问: “不是要年度统计吗?”主管笑道: “是啊, 但年度统计数据应该从每月合计中得到——这不算什么会计学问, 但反映了做会计的严谨态度。也许你们能力相当, 所以, 我们最后要看的就是个人的态度了。”

(李禄兴, 《HSK应试速练》, 北京语言大学出版社, 2007年)

Câu 42: 作者在解答老师出的数学题时:

- A. 非常认真 B. 出现错误 C. 又快又好 D. 不够稳重

Câu 43: 老师对作者的那番评价使他感到:

- A. 太紧张 B. 很尴尬 C. 很遗憾 D. 不服气

Câu 44: “落马”的意思是:

- A. 从马上掉下来 B. 在竞争中失败 C. 考试出现失误 D. 工作中被免职

Câu 45: 作者认为应聘单位的面试题怎么样?

- A. 难度大 B. 很容易 C. 很奇怪 D. 数量多

Câu 46: 作者写这两件事是为了说明:

- A. 态度与结果同样重要
C. 做事情结果正确就行
- B. 自己很聪明但运气差
D. 做事认真要从小培养

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 47: 逢年过节, 全家人聚到一起 A, 十几分钟后就 B 可以满满 C 摆上 D。 (一桌子)

Câu 48: 生活 A 中的一些小事往往会在 B 你的心灵上 C 打 D 深深的烙印。 (下)

Câu 49: 他的 A 功课 B 太紧, 只是 C 在店里 D 给父母帮帮忙。 (偶尔)

Câu 50: 表姐的生日快到了, 我把上星期 A 那条 B 红色 C 丝绸 D 长裙当礼物送给她了。 (刚买的)

-----HẾT-----

Chữ kí của giám thị số 1: Chữ kí của giám thị số 2: